

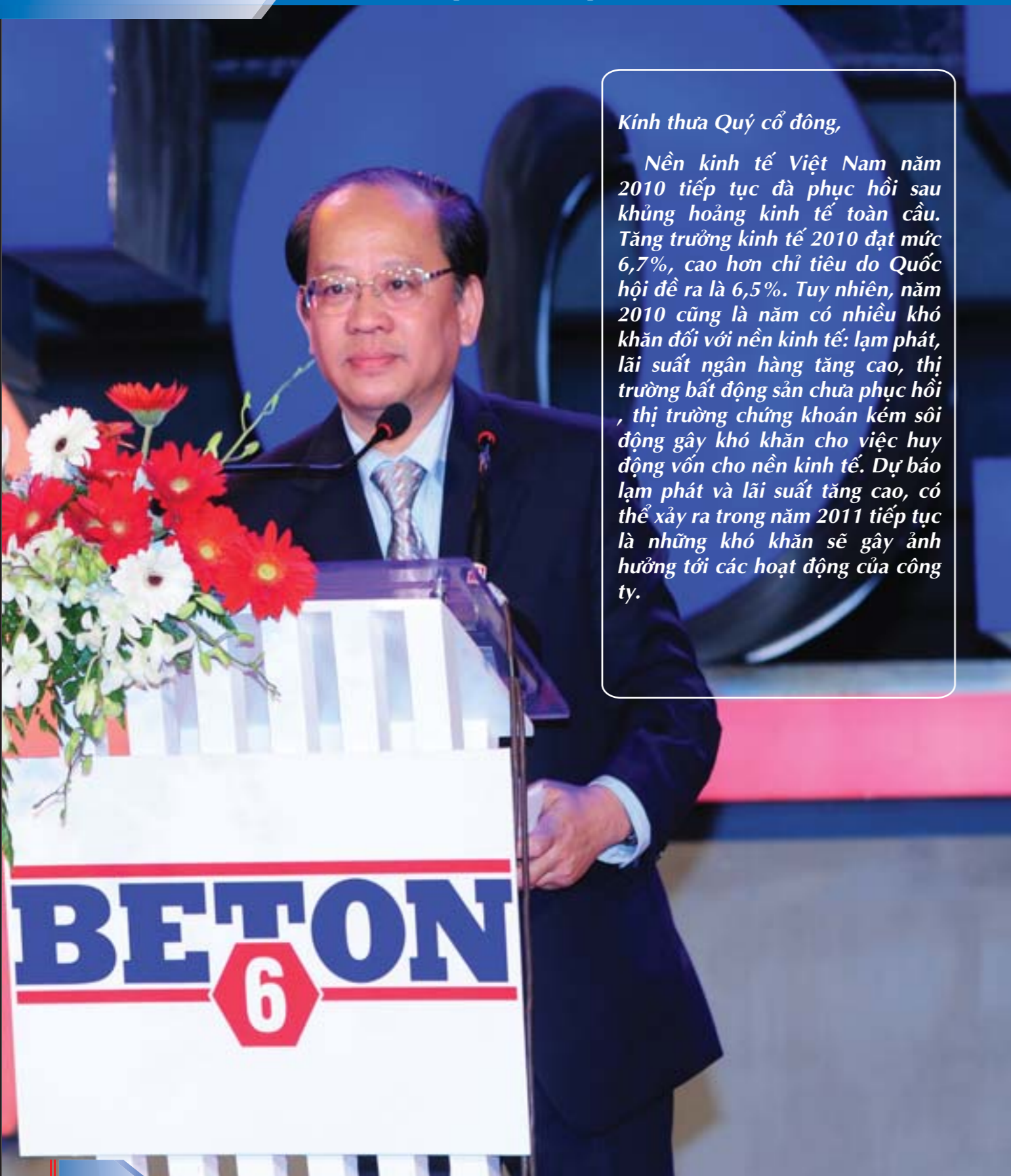


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010





Phần 1: Thông Điệp Của Hội Đồng Quản Trị	2-3
Phần 2: Lịch Sử Hình Thành Và Phát Triển	4-5
Phần 3: Tầm Nhìn Và Sứ Mệnh	6
Phần 4: Phân Tích Swot	7
Phần 5: Sơ Đồ Tổ Chức	8-18
Phần 6: Tổng Quan Tình Hình Nhân Sự 2010	19
Phần 7: Cơ Cấu Cổ Đông	20 - 21
Phần 8: Các Dự Án Tiêu Biểu Đã Và Đang Thi Công	22-24
Phần 9: Báo Cáo Hoạt Động 2010 Của Hdqt & Bđh	25-30
Phần 10: Các Cty Con & Cty Có Liên Quan	31
Phần 11: Báo Cáo Đánh Giá Của Ban Kiểm Soát	32-33
Phần 12: Biểu Đồ Kết Quả Hoạt Động 03 Năm	34
Phần 13: Các Sự Kiện Nổi Bật	35
Phần 14: Báo Cáo Kiểm Toán Năm 2010	36-39
Phần 15: Báo Cáo Của Ban Kiểm Toán Năm 2010	40-41
Phần 16: Báo Cáo Của Các Bộ Phận	42-44
Phần 17: Bảng Cân Đối Kế Toán	45-47
Phần 18: Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	48
Phần 19: Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	49-50
Phần 20: Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính 2010	51-80
Phần 21: Bảng Đối Chiếu Biến Động Của Vốn Chủ Sở Hữu	81
Phần 22: Định Hướng Giai Đoạn 2011-2015	82
Phần 23: Kế Hoạch Hoạt Động Năm 2011	83
Phần 24: Biện Pháp Thực Hiện	84



Kính thưa Quý cổ đông,

Nền kinh tế Việt Nam năm 2010 tiếp tục đà phục hồi sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế 2010 đạt mức 6,7%, cao hơn chỉ tiêu do Quốc hội đề ra là 6,5%. Tuy nhiên, năm 2010 cũng là năm có nhiều khó khăn đối với nền kinh tế: lạm phát, lãi suất ngân hàng tăng cao, thị trường bất động sản chưa phục hồi, thị trường chứng khoán kém sôi động gây khó khăn cho việc huy động vốn cho nền kinh tế. Dự báo lạm phát và lãi suất tăng cao, có thể xảy ra trong năm 2011 tiếp tục là những khó khăn sẽ gây ảnh hưởng tới các hoạt động của công ty.

Xây dựng cơ bản trong toàn ngành GTVT năm 2010 đạt mức tăng trưởng khoảng 30% trong khi GDP đạt 6,78% thể hiện sự phát triển ổn định và duy trì ở mức cao của ngành. Tuy nhiên đà tăng trưởng này đang chậm lại do nguy cơ thiếu vốn. Cuối năm 2010, nhiều công trình đã thi công, nhưng khó khăn bố trí nguồn vốn để thanh toán cho các nhà thầu, dẫn đến nhà thầu vẫn phải tiếp tục thi công công trình bằng vốn vay ngân hàng với lãi suất cao. Điều đó đã đẩy nhà thầu càng vào thế khó khăn trong kinh doanh sản xuất và thi công.

Trong suốt 10 năm thành lập và phát triển theo mô hình công ty cổ phần đại chúng nói chung (2001 – 2011) và trong nhiệm kỳ 05 năm vừa qua của HĐQT nói riêng (2006 – 2011), Beton 6 đã có những bước tiến vượt bậc về sản lượng, doanh số và lợi nhuận. Đầu tư đổi mới nâng cấp các nguồn lực, mô hình quản trị, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước, tiếp tục xây dựng, khẳng định và trụ vững thương hiệu Beton 6 tại thị trường Phía Nam.

Năm 2010 đã khép lại với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn so với kỳ vọng, song còn đó nhiều thách thức: lạm phát, lãi suất, chênh lệch tỉ giá, nhập siêu, v.v. Tuy nhiên, bằng kinh nghiệm thực tiễn luôn đón đầu những thuận lợi, khó khăn trong bối cảnh chung, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Beton 6 đã hoàn thành các mục tiêu chính của kế hoạch năm 2010: Sản lượng đạt 1.016 tỷ đồng tăng 44% so với năm 2009, doanh thu đạt 958 tỷ đồng tăng 28% so với năm 2009 và lợi nhuận sau thuế đạt 92 tỷ đồng tăng 17% so với năm 2009. Beton 6 tập trung hoàn thiện, nâng cao trình độ quản trị và quản lý doanh nghiệp, chuẩn hoá công tác tuyển dụng và đào tạo, quy hoạch nguồn lực kịp thời đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty, đặc biệt làm nền tảng cho nhiệm kỳ tới 2011-2016.

Bước sang năm 2011, dù nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam được dự báo sẽ còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên, với các nguồn lực đã được chuẩn bị đầy đủ trong những năm qua, Công ty đề ra kế hoạch năm 2011 như sau: Doanh thu 1200 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 10-12% doanh thu, và cổ tức 10-12% vốn điều lệ.

Để đạt được kế hoạch trên, Beton 6 tiếp tục triển khai các chương trình hành động cụ thể như: khai thác tối đa các sản phẩm dịch vụ hiện có, nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm mới, kiểm soát chi phí hoạt động thấp nhất, tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị điều hành, nâng cao chất lượng hoạt động của toàn hệ thống, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, đào tạo và tái đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của hệ thống, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực khuyến khích, giữ vững uy tín và chất lượng, khẳng định thương hiệu Beton 6.

Hội đồng quản trị Beton 6 mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của quý cổ đông, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên Beton 6 sẽ nỗ lực hết sức mình để vượt qua mọi thách thức giữ vững và thúc đẩy đà phát triển bền vững của beton 6, sáng tạo và gia tăng giá trị cho quý cổ đông.

Kính chúc quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty cổ phần Beton 6

1 Thông tin đơn vị:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

- ▲ Tên giao dịch: Beton 6 Corporation
- ▲ Tên viết tắt: BT6 Corp.
- ▲ Mã chứng khoán: BT6

Nhà máy Bình Dương:

- ▲ Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, Khu phố Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- ▲ Điện thoại : (84.650) 3751617 – 3750054
- ▲ Fax: (84.650) 3751628

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- ▲ Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM
- ▲ Điện thoại: (84.8) 6291.7344
- ▲ Fax: (84.8) 6291.7343
- ▲ Email: info@beton6.com
- ▲ Website: www.beton6.com

2 Quá trình hình thành và phát triển:

- ▲ Được thành lập từ năm 1958 bởi Tập Đoàn Xây Dựng RMK của Mỹ với tên gọi ban đầu là “Công Trường Đúc Đà Bê Tông Tiên Áp Châu Thới”, sản phẩm của công trường lúc bấy giờ chỉ bao gồm các loại dầm cầu nhằm cung cấp cho các công trình thi công cầu đường tại các tỉnh Miền Nam trước đây mà RMK trúng thầu thi công.
- ▲ Sau năm 1975, được Nhà Nước tiếp quản và sáp nhập vào Phân Cục Quản Lý Đường Bộ Miền Nam theo văn bản số 761/QĐ-TC ngày 06-08-1976 của Bộ Giao Thông Vận Tải với tên gọi Xưởng Bê Tông Châu Thới trực thuộc Phân Cục Quản Lý Đường Bộ Miền Nam – Cục Quản Lý Đường Bộ.
- ▲ Ngày 15-03-1977, Bộ Giao Thông Vận Tải ra quyết định số 755/QĐ-TC đổi tên Xưởng Bê Tông thành nhà máy Bê Tông trực thuộc Phân Cục Quản Lý Đường Bộ Miền Nam – Cục Quản Lý Đường Bộ.
- ▲ Ngày 17-05-1993 Bộ Giao Thông Vận Tải có quyết định số 942/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập Công Ty Bê tông 620 (doanh nghiệp nhà nước) trực thuộc Tổng Công Ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6 (CIENCO 6) thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải.
- ▲ Ngày 28-03-2000 Công ty quyết định chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần theo quyết định số 41/2000/QĐ-TTG ngày 28-03-2000 của Thủ Tướng Chính Phủ với tên gọi là Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới.
- ▲ Ngày 29-11-2000, Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất được tổ chức và sau đó Công ty đã tiến hành đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000013 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 05-01-2001. Từ đây, Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới chính thức đi vào hoạt động theo

hình thức công ty cổ phần với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 58.826.900.000 VNĐ. Ngày 28-08-2001, vốn điều lệ Công ty tăng lên 69.300.000.000 đồng.

- ▲ Ngày 18-04-2002, cổ phiếu Công ty là một trong những cổ phiếu đầu tiên chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán (niêm yết tại HOSE). Ngày 08-11-2006, vốn điều lệ Công ty tăng lên 100.000.000.000 đồng. Ngày 20-11-2007, vốn điều lệ Công ty tăng lên 109.978.500.000 đồng.
- ▲ Ngày 12-10-2009, Công ty thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh theo mã số thuế, với mã số doanh nghiệp: 3700364079.
- ▲ Ngày 18-12-2010, Công ty công bố đổi tên công ty, logo và hệ thống nhận diện; theo đó, Công ty cổ phần bê tông 6 là tên gọi mới thay cho tên gọi Công ty cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới.
- ▲ Quý I/2011, vốn điều lệ Công ty tăng lên 329.935.500.000 đồng.

3 Ngành nghề kinh doanh:

- ▲ Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- ▲ Sản xuất các loại vật liệu xây dựng.
- ▲ Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí. Xây dựng các công trình giao thông (cầu cống, đường bộ, bến cảng). Nạo vét, san lấp mặt bằng, đào đắp nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.
- ▲ Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng.
- ▲ Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thường, bê tông tươi và bê tông siêu trường, siêu trọng.
- ▲ Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu phụ tùng ngành giao thông xây dựng. Tư vấn, kinh doanh địa ốc.
- ▲ Xây dựng công trình ngầm và thủy lợi...





1 Tầm nhìn

BETON 6 - CÔNG TY SẢN XUẤT BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG HẠ TẦNG HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM

2 Sứ mệnh

- ▲ Cung cấp các sản phẩm Bê tông đa dạng với sự cam kết về **QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG** và **DỊCH VỤ**.
- ▲ Cung cấp “giải pháp thi công”, “giải pháp tài chính” cho nhà đầu tư, nhà thầu và đối tác.
- ▲ Thể hiện sự **“UY TÍN”, “CHUYÊN NGHIỆP”** và **“TRÁCH NHIỆM”** trong vai trò nhà đầu tư, quản lý thi công hay là một đối tác kinh doanh trong các dự án xây dựng.

1 Điểm mạnh

- ▲ Công ty uy tín trong ngành sản xuất bê tông cấu kiện đúc sẵn và xây dựng hạ tầng – thương hiệu mạnh
- ▲ Tập thể các thành viên hội đồng quản trị cũng như người lao động đoàn kết, gắn bó. Ban điều hành công ty năng động, linh hoạt, nhạy bén, có kinh nghiệm quản lý lâu năm trong ngành từ những công ty đa quốc gia và cam kết thay đổi để phát triển công ty. Đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm & kỹ năng cao
- ▲ Có chiến lược kinh doanh & phát triển thị trường, luôn đi đầu trong công tác nghiên cứu và phát triển công nghệ, sản phẩm.
- ▲ Có mối quan hệ tốt với ngành & các lĩnh vực chuyên môn. Có mối quan hệ tốt với các định chế tài chính, ngân hàng và quỹ đầu tư.
- ▲ Môi trường làm việc thân thiện, tôn trọng lẫn nhau.
- ▲ Có nền tài chính lành mạnh để đảm bảo niềm tin từ cổ đông & nhà đầu tư cũng như mục tiêu triển khai chiến lược kinh doanh và tài trợ vốn cho các dự án
- ▲ Được sự hỗ trợ từ cổ đông

2 Điểm yếu

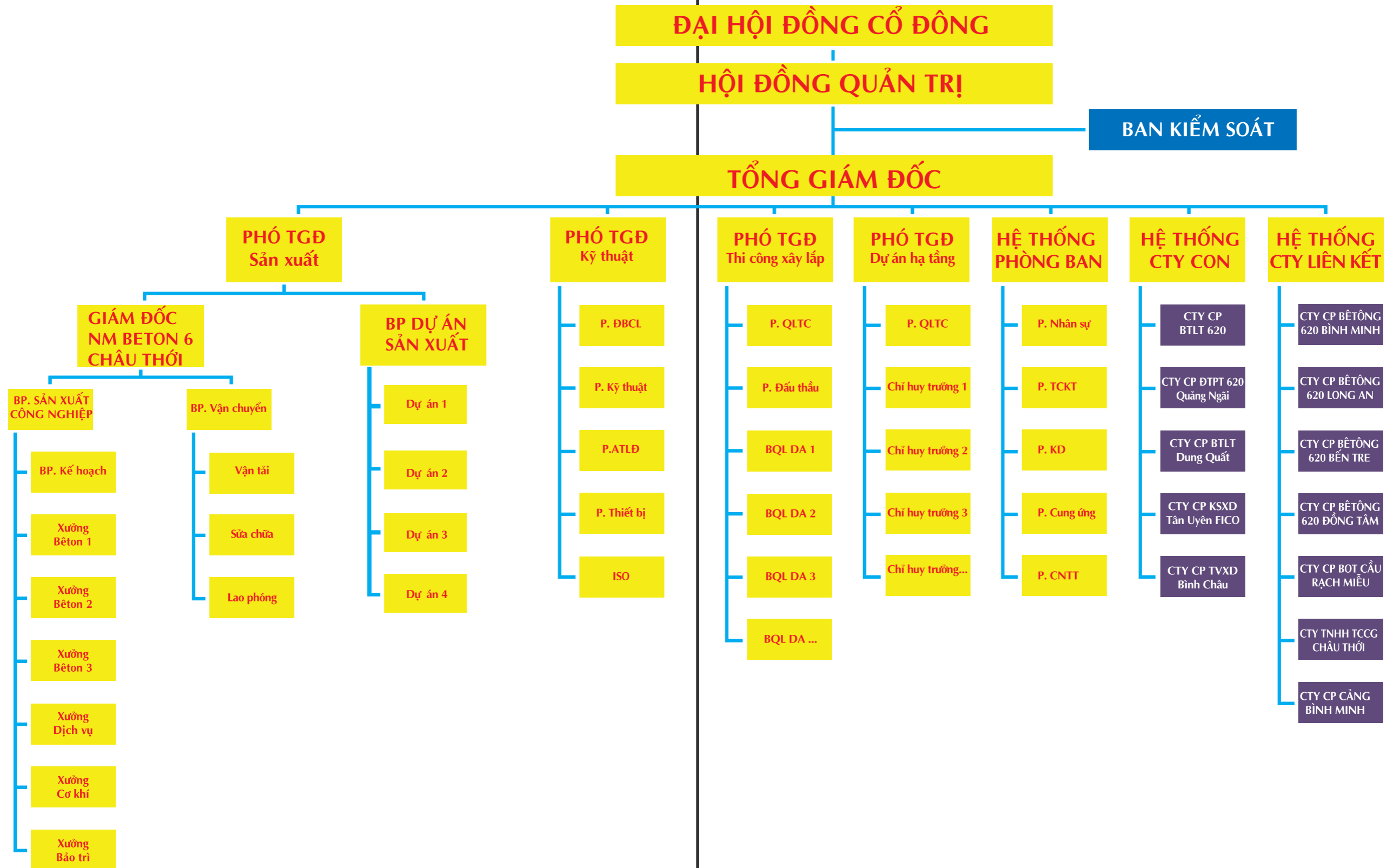
- ▲ Bê tông 6 triển khai cùng lúc nhiều dự án lớn nên cần lượng vốn lưu động lớn nhằm chủ động hơn trong công tác triển khai dự án cũng như sản xuất kinh doanh.
- ▲ Cần có nhà máy sản xuất tại các thị trường công ty phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như lợi thế cạnh tranh.
- ▲ Nguồn nhân lực có chất lượng cao & chuyên nghiệp có thể không đủ đáp ứng được với tốc độ phát triển thị trường dự án và nhu cầu mở rộng thị trường của công ty.

3 Cơ hội

- ▲ Tiềm năng phát triển, tăng trưởng về xây dựng hạ tầng tại Việt Nam.
- ▲ Mở rộng thị trường hoạt động ra Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung & Bắc Việt Nam
- ▲ Tạo nhu cầu từ khách hàng bằng cách tăng chủng loại sản phẩm & dịch vụ cộng thêm
- ▲ Tạo nhu cầu trong phân khúc nhà dân dụng với các sản phẩm bê tông đúc sẵn, bê tông trang trí
- ▲ Sử dụng thương hiệu mạnh để tăng trưởng ngành xây lắp & các ngành nghề khác liên quan
- ▲ Tạo môi trường phát triển nhân tài để thu hút tài năng

4 Nguy cơ/Thách thức

- ▲ Nhiều đối thủ mới, mạnh vào thị trường, cạnh tranh về giá rất khốc liệt trong khi đó giá cả nguyên vật liệu ngày càng gia tăng.
- ▲ Năng lực thiết bị & nhà máy sản xuất có thể không đáp ứng được với chiến lược phát triển nhanh của công ty.
- ▲ Công nghệ xây dựng mới & sản phẩm mới với ưu thế thi công xây dựng nhanh, hiệu quả, giá cạnh tranh.



Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng quản trị hiện có 5 thành viên (3/5 thành viên độc lập không tham gia điều hành):

- ▲ Ông Nguyễn Hùng Chủ tịch
- ▲ Ông Nguyễn Trung Hậu Ủy viên
- ▲ Ông Hà Đức Bình Ủy viên (Độc lập không điều hành)
- ▲ Ông Trịnh Thanh Huy Ủy viên (Độc lập không điều hành)
- ▲ Ông Nguyễn Nam Thắng Ủy viên (Độc lập không điều hành)

Lý lịch tóm tắt của Hội đồng Quản trị:

▲ Ông Nguyễn Hùng



- Sinh năm: 1957 tại Đà Lạt.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường; Thạc sỹ quản trị kinh doanh, đại học chính trị.
- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty XDCTGT 6.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

▲ Ông Nguyễn Trung Hậu



- Sinh năm: 1958 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Tóm tắt quá trình công tác:
- Năm 1982 tốt nghiệp đại học Bách Khoa.
- Từ năm 1982 đến năm 1994: Công tác tại Công ty Xi măng Hà Tiên.
- Từ năm 1994 đến tháng 10/2007 ông công tác tại Công ty Xi măng Holcim.
- Từ tháng 10/2007 đến nay: Giám đốc Kỹ thuật TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam.
- Từ 30/9/2009 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Beton 6; Thành viên HĐQT (từ 01/01/2009).
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

▲ Ông Hà Đức Bình



- Sinh năm: 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Ngoại thương, Tài chính
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Từ năm 1985 đến năm 1999: Công tác tại Công ty Xi măng Hà Tiên 1
 - Từ năm 1999 đến tháng 8/2006: Phó giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Xi măng Hà Tiên 1
 - Năm 2007: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Đầu tư BTA
 - Năm 2008: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VCM)
 - Từ 01/01/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

▲ Ông Nguyễn Nam Thắng



- Sinh năm 1968 tại Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ô tô
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - 1991- 1992: Công tác tại T-275 Cục ô tô máy kéo trạm nguồn – Bộ Quốc phòng
 - 1993- 1995: Kinh doanh xuất nhập khẩu tại CHLB Nga
 - 1995-1998: Giám đốc Công ty TNHH An Dân – Hà Nội
 - 1999-2001: Trưởng VPĐD Công ty XNK Vật tư đường biển tại Cộng hòa Belarusia
 - 2002-2003: Trưởng VPĐD Tập đoàn MASAN tại Moscow (CHLB Nga)
 - 2003-2005: Phó Tổng Giám đốc Công ty Alexandra & Sophia(CHLB Nga)
 - 2005-2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Bình Thiên An
 - 2009 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần VINAFCO
 - Từ ngày 07/4/2010 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: **Không.**

▲ Ông Trịnh Thanh Huy:



- Sinh năm 1970 tại Thanh Hoá.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Từ năm 1994 đến năm 2002: công tác tại tập đoàn Masan – Phó chủ tịch tại Cộng hòa Liên bang Nga
 - Từ năm 2003 đến tháng 2005: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Thực phẩm AS
 - Từ 2005 đến nay: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Bình Thiên An
 - Từ ngày 01/10/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

Trách nhiệm, quyền lợi của Hội đồng Quản trị Công ty:

- ▲ Trách nhiệm và quyền lợi của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và quy định tại điều 20, chương VII Điều lệ Công ty.
- ▲ Hội đồng quản trị tham gia điều hành, chịu trách nhiệm trước cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo cổ tức năm 2010 do đại hội đồng cổ đông giao; Tham gia quản lý điều hành và lên kế hoạch nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác đã đề ra của Đại hội đồng cổ đông.
- ▲ Hội đồng quản trị được hưởng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông chấp thuận (3% lợi nhuận sau thuế cho tổng thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát).

Tỉ lệ sở hữu và những thay đổi trong tỉ lệ nắm giữ cổ phần:

STT	Họ và tên	SỐ LƯỢNG (CP)					Ghi chú
		Cá nhân	Đại diện vốn NN	Đại diện tổ chức	Tổng cộng	Tỉ lệ (%)	
1	Nguyễn Hùng	10.783	652.301		663.084	6,029	
2	Nguyễn Trung Hậu	1.300			1.300	0,012	
3	Hà Đức Bình	1.300			1.300	0,012	
4	Trịnh Thanh Huy	1.533.196			1.533.196	13,941	

2 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát hiện có 3 thành viên:

- ▲ Ông Đào Minh Triết Trưởng Ban
- ▲ Ông Trần Thanh Dũng Ủy viên
- ▲ Ông Nguyễn Văn Đua Ủy viên

Lý lịch tóm tắt của Ban Kiểm soát:

Ông Đào Minh Triết



- Sinh năm 1976 tại Cần Thơ.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 5/1999 - tháng 6/2000: Đại diện thương mại – VP Đại diện Tp. HCM – tập đoàn Marubeni (Bộ phận may mặc).
 - Từ tháng 7/2000 - tháng 7/2003: Trưởng nhóm – VP Đại diện Tp. HCM – tập đoàn Mitsubishi (Bộ phận may mặc).
 - Từ tháng 01/2007 - tháng 02/2010: Giám đốc dự án – Bộ phận Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.
 - Từ tháng 3/2010 đến nay: Trưởng Ban Tài chính đầu tư – Bộ phận R&D - Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VCM)
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Beton 6 kể từ ngày 16/4/2010.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Ông Trần Thanh Dũng:



- Sinh năm 1961 tại An Giang.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính, Cử nhân Luật.
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1984-1991: Kế toán tổng hợp Nhà máy Cơ khí Giao thông 623
 - Từ năm 1991-2004: Kế toán trưởng Công ty Cơ khí Xây dựng Công trình 623
 - Từ năm 2004-2008: Phụ trách Ban kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6.
 - Từ năm 2008 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6.
 - Chức vụ tại các tổ chức khác: UV. HĐQT Công ty Cổ phần Tranimexco, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Hạ tầng. Trưởng Ban kiểm soát Công ty Tư vấn Xây dựng Công trình 625.
 - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Beton 6 kể từ ngày 16/4/2010.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

▲ Ông Nguyễn Văn Đua:



- Sinh năm 1978 tại Kiên Giang
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1998 –1999: Kế toán tổng hợp Công ty CP Công nghiệp Kỹ nghệ Thương mại Việt Tiến.
 - Từ năm 1999 –2003: Kế toán trưởng Công ty CP Công nghiệp Kỹ nghệ Thương mại Việt Tiến.
 - Từ năm 2003 –2004: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Chế biến Thực phẩm VITECFOOD.
 - Từ năm 2004 –2006: Kế toán trưởng Công ty Cp Bánh kẹo Biên Hòa (BIBICA).
 - Từ năm 2006 –nay: Kế toán trưởng Công ty CP Bất Động sản Bình Thiên An.
 - Từ năm 2007 –2009: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Thảo Điền.
 - Từ năm 2009 – nay: Kế toán trưởng Công ty BTA Development Investment (Vietnam)
 - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Beton 6 kể từ ngày 16/4/2010.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Trách nhiệm và quyền lợi của Ban Kiểm soát Công ty:

- ▲ Trách nhiệm và quyền lợi của Ban kiểm soát được quy định tại điều 31, chương X Điều lệ công ty.
- ▲ Ban Kiểm soát được quyền xem xét, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo tính chính xác và trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông.
- ▲ Ban kiểm soát đã có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty năm 2009, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với Hội đồng quản trị.
- ▲ Được hưởng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông chấp thuận (3% lợi nhuận sau thuế cho tổng thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát).

Tỉ lệ sở hữu và những thay đổi trong tỉ lệ nắm giữ cổ phần: Không có.

3 Ban Điều Hành

Cán bộ điều hành chủ chốt:

- | | |
|-------------------------|-----------------------------|
| ▲ Ông Nguyễn Trung Hậu | Tổng Giám đốc |
| ▲ Ông Trần Khắc Lợi | Phó Tổng giám đốc |
| ▲ Ông Phạm Đình Nhật Kỳ | Phó Tổng giám đốc |
| ▲ Ông Hà Thanh Mẫn | Phó Tổng giám đốc |
| ▲ Ông Trương Chí Nhân | Phó Tổng giám đốc |
| ▲ Bà Cao Thị Anh Hoa | Giám đốc Nhân sự |
| ▲ Ông Võ Thanh Trí | Giám đốc tài chính |
| ▲ Ông Lâm Chí Trung | Giám đốc Kinh doanh |
| ▲ Ông Lê Quang Hanh | Giám đốc Kỹ thuật |
| ▲ Ông Trần Hoàng Dũng | Giám đốc Nhà máy Bình Dương |
| ▲ Bà Huỳnh Thị Thanh Hà | Kế toán trưởng |

Lý lịch tóm tắt của Ban điều hành công ty:

▲ Ông Nguyễn Trung Hậu, Tổng Giám đốc – Ủy viên HĐQT (xem phần Lý lịch tóm tắt của HĐQT)

▲ Ông Trần Khắc Lợi, Phó Tổng Giám đốc



- Sinh năm: 1962
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường; Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách khối sản phẩm mới Công ty Cổ phần Beton 6; Giám đốc Công ty Cổ phần BOT Cầu Phú Cường.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

▲ Ông Phạm Đình Nhật Kỳ, Phó Tổng Giám đốc



- Sinh năm: 1955
- Địa chỉ thường trú: 260 Hòa Hưng, Quận 10, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường; Quản trị kinh doanh
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách khối sản phẩm công nghiệp.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

▲ Ông Hà Thanh Mẫn, Phó Tổng Giám đốc



- Sinh năm: 1964
- Địa chỉ thường trú: 455/8 An Dương Vương, Quận 5, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cơ khí.
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách khối xây lắp,
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

▲ Ông Trương Chí Nhân, Phó Tổng Giám đốc



- Sinh năm: 1961 tại Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư.
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Năm 1984: tốt nghiệp ĐHBK Tp.HCM.
 - Từ 1984-1997: công tác tại Trường cao đẳng nghề Lý Tự Trọng - TpHCM.
 - Từ 1997-2007: công tác tại Cty TNHH Sản xuất và Xây dựng Phan Vũ (Giám đốc Cty).
 - Từ 2007-2010: công tác tại Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ (phó TGD).
 - Từ tháng 08/2010 đến nay: công tác tại Công ty cổ phần beton 6 (phó TGD).
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

▲ Bà Cao Thị Anh Hoa, Giám đốc Nhân sự



- Sinh năm: 1966 tại Saigon
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Năm 1993: tốt nghiệp đại học Tổng hợp Tp HCM
 - Năm 2009: tốt nghiệp thạc sĩ – Viện công nghệ châu Á Thái lan
 - Từ 8/1996 đến 2/2010: Giám đốc Nhân sự tại công ty Xi-măng Holcim Việt Nam
 - Từ 3/2010 đến nay: Giám đốc Nhân sự tại Cty CP Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

▲ Ông Võ Thanh Trí, Giám đốc Tài chính



- Sinh năm: 1973 tại Sài Gòn.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Tài chính
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Từ 1997-1999: công tác tại Cty LD hoá chất LG Vina.
 - Từ 1999-2000: công tác tại Cty TNHH Kimberly Clark.
 - Từ 2000-2004: công tác tại Cty TNHH Dược Phẩm Á Đông.
 - Từ 2004-2006: công tác tại Cty TNHH Thành Nhơn.
 - Từ 2006-2008: công tác tại Cty cổ phần Châu Âu P2P.
 - Từ 2009-2010: công tác tại Bệnh viện Việt Pháp.
 - Từ 2010 đến nay: công tác tại Công ty cổ phần Beton 6.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

▲ Ông Lâm Chí Trung, Giám đốc Kinh doanh



- Sinh năm: 1975 tại Sài Gòn
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Năm 1997: tốt nghiệp đại học Bách Khoa TP HCM
 - Từ năm 1998 đến năm 2005: Trưởng Bộ Phận Kế Hoạch Chuỗi Cung Ứng Công ty LD Xi măng Holcim
 - Từ năm 2005 đến tháng 2007: Trưởng Bộ Phận Khách Hàng Công ty Shell Việt Nam TNHH
 - Từ năm 2007 đến năm 2008: Trưởng Bộ Phận Chuỗi Cung Ứng Công ty TNHH VLXD Saint Gobain Việt Nam
 - Từ 2/2010 đến nay: Giám đốc Kinh Doanh Cty CP Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Lê Quang Hanh, Giám đốc Kỹ thuật



- Sinh năm: 1978 tại Thanh Hà - Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kỹ thuật
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Năm 2000 – Tốt nghiệp đại học Giao thông Vận tải
 - Từ năm 2000 đến năm 2003: Công tác tại Tổng cty XD Thăng Long
 - Từ năm 2003 đến năm 2005: Giảng viên trường đại học Giao thông Vận tải
 - Từ năm 2005 đến năm 2009: Nghiên cứu sinh tại trường kỹ thuật tổng hợp Darmstadt – CHLB Đức
 - Từ năm 2010 đến năm 2011: Công tác tại công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh Bình Dương – Becamex ITC
 - Từ năm 2011 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Trần Hoàng Dũng, Giám đốc Nhà máy Bình Dương



- Sinh năm: 1969 tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Năm 1994: tốt nghiệp đại học Sư phạm kỹ thuật TP HCM ngành cơ khí chế tạo máy
 - Từ năm 12/1994 đến năm 08/1996: công tác tại Nhà máy công nghệ kỹ thuật cao AMBBLIN - Singapore
 - Từ năm 08/1996 đến tháng 10/2010: công tác tại Công ty Xi măng Holcim
 - Từ tháng 11/2010 đến nay: Giám đốc nhà máy Bình Dương - Cty CP Beton 6

- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Bà Huỳnh Thị Thanh Hà, Kế toán trưởng



- Sinh năm: 1969 tại Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác:
 - 1989 – 1998 : Nhân viên kế toán Công ty Bê Tông 620 Châu Thới
 - 2001 – 2003 : Kế Toán Trưởng - Cty CP Bê Tông 620 Châu Thới
 - 2003 – Tháng 9/2009: Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Bê Tông 620 Châu Thới
 - Từ tháng 10/2009 đến nay: Kế toán trưởng Cty Cổ Phần BeTon 6

- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Trách nhiệm, quyền lợi của Hội đồng Quản trị Công ty:

Theo quy định của pháp luật và quy định tại điều 26 chương VIII Điều lệ Công ty.

- ▲ Hoạt động theo quy định của điều lệ, các quy chế của công ty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Tỉ lệ sở hữu và những thay đổi trong tỉ lệ nắm giữ cổ phần:

STT	Họ và tên	SỐ LƯỢNG (CP)				Ghi chú
		Cá nhân	Đại diện vốn NN	Tổng cộng	Tỉ lệ (%)	
1	Nguyễn Trung Hậu	1.300		1.300	0,012	
2	Trần Khắc Lợi	7.056		7.056	0,064	
3	Hà Thanh Mẫn	6.430		6.430	0,058	
4	Huỳnh Thị Thanh Hà	5.750		5.750	0,052	

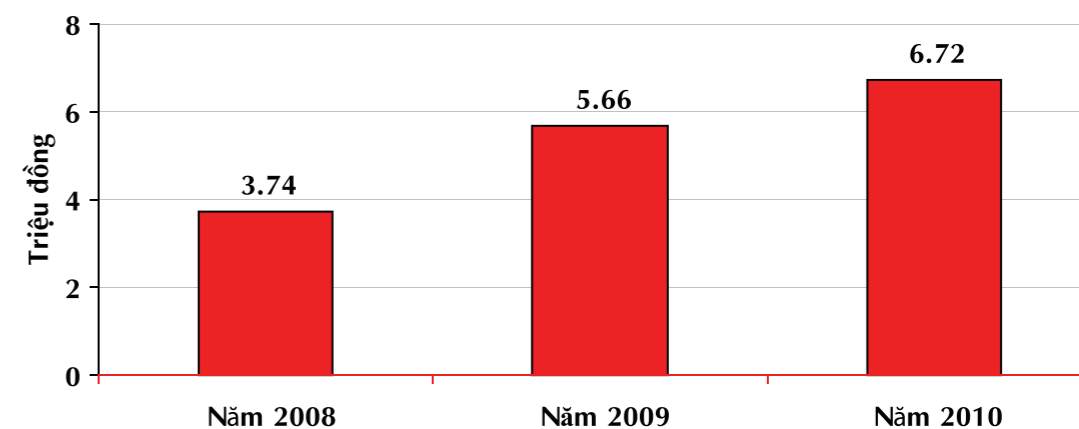
Những thay đổi thành phần Ban Tổng Giám đốc điều hành trong năm:

- ▲ Bổ nhiệm 01 phó Tổng Giám đốc phụ trách dự án hạ tầng.

1 Lao động:

- ▲ Lao động đến 31/12/2010: 745 người
- Trong đó:
 - Đại học, trên đại học: 164 người chiếm tỉ lệ 16,5 %
 - Trung cấp, cao đẳng: 82 người chiếm tỉ lệ 2,13%
 - Thợ bậc 3 trở lên: 250 người chiếm tỉ lệ 36,89%
 - Thợ bậc 2 trở xuống: 292 người chiếm tỉ lệ 45,59%

2 Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng):



3 Chính sách đối với người lao động:

- ▲ Công ty đã thực hiện tốt mọi chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động: Ký hợp đồng lao động, thực hiện bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Tham gia bảo hiểm AON bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên với mức bồi thường tối đa 200 triệu đồng/người/vụ. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- ▲ Thực hiện các chương trình đào tạo hằng năm phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kỹ thuật viên, nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật, cập nhật kiến thức và kỹ năng cho các nhân viên nghiệp vụ.
- ▲ Công tác bảo hộ lao động được coi trọng đặt lên hàng đầu, đầu tư trang bị bảo hiểm lao động chất lượng cao. Chất lượng y tế phục vụ người lao động và môi trường làm việc được cải thiện kết quả đo môi trường số mẫu không phù hợp giảm so với năm 2009 30% .
- ▲ Xây dựng và duy trì phong cách làm việc chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp.
- ▲ Kết quả Thanh tra Bộ Lao động thương binh & xã hội đến kiểm tra tháng 10-2010 đã công nhân đơn vị thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động.

1 Cơ cấu cổ đông đến ngày đăng ký cuối cùng 25/3/2011:

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Cộng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1. Cổ đông nhà nước	652.301	5.93%	-	0.00%	652.301	5.93%
2. Cổ đông nội bộ	2.681.676	24.38%	-	0.00%	2.681.676	24.38%
Hội đồng quản trị	2.668.190	24.26%	-	0.00%	2.668.190	24.26%
Ban Giám đốc	13.486	0.12%	-	0.00%	13.486	0.12%
Ban Kiểm soát	0	0.00%	0.00	0.00%	0.00	0.00%
3. Cổ đông khác	6.622.620	60.22%	1.041.253	9.47%	7.663.873	69.69%
Cá nhân	1.637.843	14.89%	149.612	1.36%	1.787.455	16.25%
Tổ chức	4.984.777	45.33%	891.641	8.11%	5.876.418	53.43%
Cộng	9.956.597	90.53%	1.041.253	9.47%	10.997.850	100.00%

- ▲ Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
 - + Tổng số cổ phiếu phát hành: 10.997.850 cp
 - + Tổng số cổ phiếu niêm yết: 10.997.850 cp
 - + Cổ phần phổ thông: 10.997.850 cp
- ▲ Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ: Không.
- ▲ Cổ tức: Năm 2010 chưa chia cổ tức.

2 Cơ cấu cổ đông phân bổ theo tiêu chí cổ đông trong và ngoài nước như sau:

Mô tả	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cá nhân trong nước	597	3,197,908	29.08%
Cá nhân nước ngoài	143	149,612	1.36%
Tổ chức trong nước	29	6,758,689	61.45%
Trong đó Nhà nước:		652,301	5.93%
Tổ chức nước ngoài.	8	891,641	8.11%
Cộng:	777	10,997,850	100%

3 Tình hình giao dịch của cổ đông lớn: (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)

STT	CỔ ĐÔNG	ĐHĐCĐ 2010 (ngày chốt: 16/3/2010)		ĐHĐCĐ 2011 (ngày chốt: 25/3/2011)	
		Số cp năm giữ	Tỉ lệ	Số cp năm giữ	Tỉ lệ
1	Cty Cổ phần Đầu tư INB	2.220.796	20,19%	0	0
2	Cty TNHH MTV QL quỹ ACB	1.823.880	16,58%	1.823.880	16,58%
3	Trịnh Thanh Huy	1.533.196	13,94%	1.533.196	13,94%
4	Cty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Việt	1.121.611	10,20%	1.121.611	10,20%
5	COMMERZBANK (SOUTH EAST ASIA) LTD	860.465	7,82%	0	0
6	Cty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB	810.000	7,37%	810.000	7,37%
7	Cienco 6	652.301	5,93%	652.301	5,93%
8	AMFRASER SECURITIES PTE. LTD.	0	0	860.465	7,82%
9	Cty TNHH MTV Đầu tư Xuyên Việt	0	0	2.220.796	20,19%

1 Dự Án Cầu Mỹ Thuận

Cung cấp 60.000m³ bê tông tươi cho công trình. Sản xuất và vận chuyển 16.000m cọc BTCT 40x40cm cho việc thi công trụ và mố cầu. Sản xuất, vận chuyển và lắp đặt 220 dầm bê tông tiền áp Super Tee. Thi công 20 trụ và xà mũ, 2 mố cầu và bản tiếp cận, đóng cừ vùn và thi công dầm mũ. Thi công mặt sàn cầu chính, sàn cầu dẫn, dây phân cách, lề bộ hành và thi công hoàn thiện mặt cầu.



2 Dự Án Cầu Cần Thơ

Thi công mặt sàn cầu chính, dây phân cách, lề bộ hành và hoàn thiện mặt cầu. Cung cấp 350 dầm Super T & 95,000m³ bê tông tươi cho toàn bộ công trình



3 Dự Án Đường Cao Tốc Sài Gòn Trung Lương

Sản xuất, vận chuyển & lao phóng cấp 2254 dầm Super cho toàn bộ công trình.



4 Dự Án Cầu Phú Mỹ

Sản xuất và lao phóng 446 dầm Super Tee, thi công mố trụ dẫn và thi công bản mặt cầu.



5 Dự Án Thi Công Xây Lắp: Đảo Kim Cương – Q2

Cung cấp 300.000m³ bê tông tươi, Thi công đường ven sông, Thi công hệ thống bờ kè đảo, Thi công cầu nối liền với đất liền



6 Dự Án Nhà Máy Xi Măng Quảng Phúc

San lấp mặt bằng, thi công toàn bộ nền móng, cảng & trạm nghiền xuất xi măng xuống tàu



7 Dự Án Đường Cao Tốc Hcm-long Thành-dầu Giây

Gói 2: Xây dựng Cầu Long Thành
Gói 3: Xây dựng 7 cầu trên trục tuyến



1 Nhận định chung:

- ▲ Năm 2010, mặc dù khủng hoảng tài chính đã qua song tình hình kinh tế trên thế giới và trong nước vẫn diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam cũng đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên bên cạnh đó nền kinh tế nước ta vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và thách thức. Các doanh nghiệp trong nước tiếp tục đương đầu với nhiều khó khăn, giá cả nguyên vật liệu tăng, lãi suất vay ngân hàng ở mức cao.
- ▲ Lạm phát cả năm 2010 tăng cao, gần 4% so với 2009. Sự phục hồi kinh tế làm cho nhu cầu các loại hàng hóa, dịch vụ tăng cao. Giá các mặt hàng nhập khẩu trong đó có các loại nguyên nhiên vật liệu tăng lên làm tăng chi phí sản xuất của các doanh nghiệp. Gây áp lực đến mặt bằng giá cả chung của cả nước.
- ▲ Tỷ giá giữa đồng USD và đồng Việt Nam liên tục biến động phức tạp theo chiều hướng tăng, thâm hụt thương mại năm 2010 của VN khá cao (trên 12 tỷ USD), dẫn đến sự phá giá đồng Việt Nam, khoảng cách giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do luôn ở mức cao, có thời điểm trên 10%. Điều này gây bất lợi đối với việc nhập khẩu các nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và thi công các công trình.
- ▲ Tốc độ tăng vốn đầu tư cao và nhanh thể hiện sự chuyển dịch nền kinh tế theo chiều hướng tích cực, nhưng mặt khác lại cho thấy những hạn chế trong hiệu quả đầu tư, tốc độ tăng trưởng thấp. Bên cạnh đó còn xảy ra tình trạng chậm trễ trong giải ngân nguồn vốn đầu tư, lãng phí, thất thoát trong quá trình quản lý dự án đầu tư.
- ▲ Những công trình hạ tầng giao thông thường có khối lượng lớn với thời gian thi công kéo dài nên hiệu quả thi công rất dễ bị ảnh hưởng khi giá cả nguyên vật liệu biến động và thời hạn giải ngân chậm.
- ▲ Cạnh tranh ngày càng khốc liệt do có nhiều doanh nghiệp cùng ngành tham gia vào thị trường.

2 Đặc điểm tình hình của Beton 6:

- ▲ Uy tín Công ty đã và tiếp tục được khẳng định qua những công trình lớn. Đặc biệt là trong các quyết định của các chủ đầu tư, các nhà thầu nước ngoài về việc lựa chọn nhà cung cấp, đơn vị thi công.
- ▲ Nâng cao nguồn lực của Công ty đảm bảo thực hiện các công trình lớn với yêu cầu kỹ thuật cao, chất lượng nghiêm ngặt, an toàn và đúng tiến độ.
- ▲ Công tác tái cơ cấu nhân sự lãnh đạo, điều hành và tái cấu trúc một số đơn vị trong Công ty đã hoàn thành và phát huy hiệu quả.
- ▲ Hoạt động sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, xây lắp tiếp tục đạt được tăng trưởng theo kế hoạch.
- ▲ Hoạt động cung cấp sản phẩm và thi công trong lĩnh vực dân dụng và công nghiệp – đặc biệt là các sản phẩm cọc bê tông đã tăng trưởng mạnh.
- ▲ Công trình đã được triển khai trong năm 2010 như: Ba cầu thuộc dự án khôi phục và mở rộng QL 1A đoạn Sóc Trăng – Bạc Liêu, Đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây, và các công trình chuyển tiếp như: Đảo Kim Cương và các dự án thi công đóng ép cọc lớn đã giúp công ty phát triển tốt trong hoàn cảnh kinh tế năm 2010.

3 Thách thức và khó khăn:

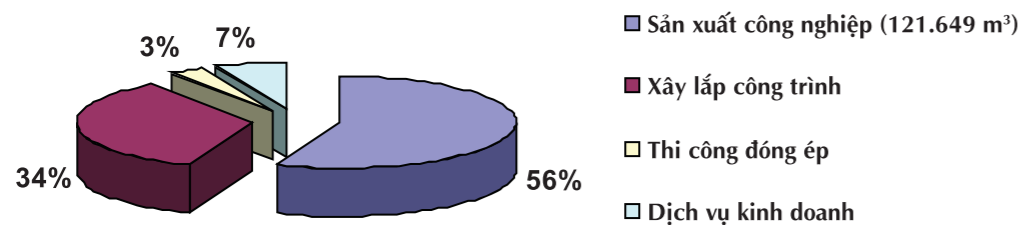
- ▲ Ảnh hưởng chung của nền kinh tế có tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty: Giá cả vật tư biến động, các dự án xây lắp giải ngân chậm, lãi xuất ngân hàng tăng cao, công nợ thu hồi chậm do việc chiếm dụng vốn.
- ▲ Các sản phẩm truyền thống như dầm, cọc vuông, cọc ống, cọc ván bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi các đối thủ trong và ngoài nước.
- ▲ Vị trí nhà máy sản xuất ở xa thị trường tiêu thụ sản phẩm và không thuận tiện cho việc vận chuyển sản phẩm bằng đường thủy.
- ▲ Chi phí vốn vay vẫn ở mức cao.
- ▲ Thiếu hụt điện cho sản xuất do việc cắt điện luân phiên.

4 Kết quả hoạt động 2010:

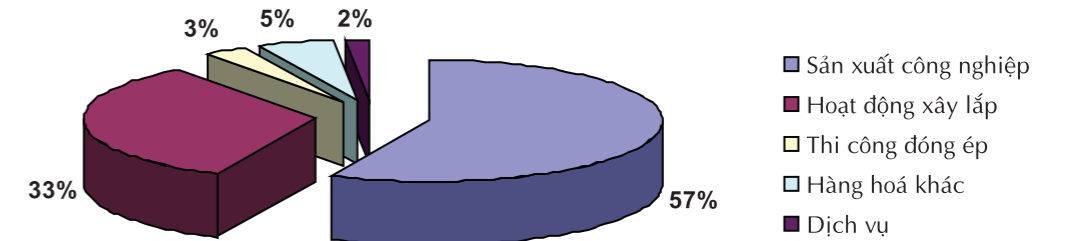
- ▲ Năm 2010, trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn và biến động như đã nêu ở phần trên, với mục tiêu vì quyền lợi cổ đông, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho CBCNV, với nhiệm vụ giữ gìn và phát triển thương hiệu, Hội đồng Quản trị cùng Ban điều hành đã nỗ lực vượt qua khó khăn và đạt kết quả sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Thực hiện	So sánh	Kế hoạch
	Năm 2009	Năm 2010		năm 2009
Giá trị tổng sản lượng	705.717	1.016.402	+ 44%	1.000.000
Doanh thu thuần	748.804	960.921	+ 28%	950.000
Lợi nhuận trước thuế	105.029	116.661	+ 11%	10-12% doanh thu
Lợi nhuận sau thuế	78.947	92.348	+ 17%	-
Cổ tức (% mệnh giá)	18% VĐL		-	10-12% Vốn điều lệ

5 Cơ cấu trong giá trị tổng sản lượng



6 Cơ cấu trong doanh thu



- ▲ Tỷ trọng mảng xây lắp (kể cả phần đóng ép cọc) khả quan hơn trong cơ cấu doanh thu là do một số công trình tiêu biểu đem lại doanh thu lớn cho mảng xây lắp như: đường cao tốc Sài Gòn – Trung Lương, cầu Phú Mỹ (Tp. Hồ Chí Minh), cầu Rạch Miễu (Bến Tre), cầu Cần Thơ, Đại lộ Đông Tây đều đã hoàn tất năm 2009 và các dự án triển khai trong năm 2010 như Cao tốc Long Thành – Dầu Giây, 3 cầu QL 1A. Việc triển khai và hoàn tất các dự án lớn này một cách tốt đẹp đã cho thấy năng lực thi công các công trình hạ tầng giao thông của Công ty đã thuyết phục và tạo được uy tín đối với các chủ đầu tư và các nhà thầu lớn trong nước cũng như quốc tế.
- ▲ Hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn là mảng chủ lực. Mặc dù các sản phẩm truyền thống cũng như các sản phẩm mới bị cạnh tranh khốc liệt nhưng với sự định hướng của Hội đồng quản trị và sự năng động, kinh nghiệm của ban điều hành đã có những giải pháp kịp thời đảm bảo doanh thu được duy trì ở mức cao trong tổng doanh thu của năm 2010.

7 Đầu tư phát triển sản xuất: 16.510.933.868 đồng

- ▲ Trong đó:
 - Đầu tư nhà xưởng: 1.387.918.529 đồng
 - Đầu tư máy móc, thiết bị: 3.871.563.987 đồng
 - Đầu tư phương tiện vận tải: 9.637.469.567 đồng
 - Đầu tư dụng cụ quản lý: 1.613.981.785 đồng

8 Các chỉ số tài chính của công ty năm 2010

Khả năng sinh lời:		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản:	10,61%	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu:	9,61%	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:	20,67%	
Khả năng thanh toán:		
+ Khả năng thanh toán hiện hành:	1,16	lần
+ Khả năng thanh toán nhanh:	0,96	lần
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:	40.626	đồng/cổ phần

9 Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu thưởng:

▲ Cổ phiếu phát hành :

- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Beton 6
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 21.995.700 cổ phần
- Tỷ lệ chia thưởng: 1:2
- Ngày đăng ký cuối cùng: 28/02/2011

▲ Kết quả phát hành cổ phiếu: 21.995.700 cổ phần

Đối tượng nhận cổ phiếu thưởng	Số cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu được phân phối	Số người được phân phối	Số người không được phân phối	Số cổ phiếu lẻ hủy không phát hành	Tỷ lệ cổ phiếu phân phối
1	3	4	5	6	7=3-4	8
Cổ đông hiện tại	21.995.700	21.995.700	654	0	0	100%

▲ Vốn điều lệ sau đợt phát hành: 329.935.500.000 đồng theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700364079, thay đổi lần thứ 8 ngày 13 tháng 4 năm 2011, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/04/2011.

▲ Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt chào bán:

Danh mục	1000 đồng	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn chủ sở hữu:	329.935.500	100
- Cổ đông sáng lập :	19.569.030	5,93
- Cổ đông lớn :	244.853.520	74,21
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết :	15.947.790	4,83
Trong đó:		
- Nhà nước (SCIC):	19.569.030	5,93
- Người nước ngoài:	31.267.770	9,48

▲ Đề nghị ĐHCĐ kỳ này thông qua việc ủy quyền HĐQT thực hiện đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung 21.995.700 cổ phiếu thưởng.

▲ Danh sách và tỉ lệ sở hữu của các cổ đông lớn.

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trịnh Thanh Huy	173347559	Villa25, Khu biệt thự Tây hồ, số 10, Đặng Thai Mai, P.Quảng Anh, Tây Hồ, HN	4.599.588	13,94%
2	Cty TNHH MTV QL Quỹ ACB	41/UBCK-GP	Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P. Đakao, Quận 1, TPHCM	5.471.640	16,58%
3	Cty TNHH MTV Đầu tư Xuyên Việt	0309961834	Lầu 14, Sailing tower, Số 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	6.662.388	20,19%
4	Cty TNHH Đầu tư Hạ tầng & Xi măng HB	0102574853	Tầng 7, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng – Hà nội	2.430.000	7,37%
5	Cty TNHH đầu tư xây dựng & phát triển Tân Việt	0102030680	Tầng 2 - 36 Hoàng Cầu - Đống Đa - Hà Nội	3.364.833	10,20%
6	Tổng Công Ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6	4106000024	127 Đinh Tiên Hoàng P. 3, Q.Bình Thạnh,TPHCM	1.956.903	5,93%
Tổng cộng				24.485.352	74,21%

10 Báo cáo phát hành cổ phiếu cho nhân viên & tờ trình kế hoạch phát hành:

- ▲ Do tập trung thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu nên vấn đề phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo nội dung tại Nghị quyết 74/NQ-ĐHĐCĐ-BT6, ngày 16/4/2010 chưa thực hiện trong năm 2010.
- ▲ Hội đồng quản trị kính trình đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.
- ▲ Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị xây dựng phương án phát hành và xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11 Báo cáo tình hình thực hiện các công việc liên quan đến phát hành trái phiếu:

- ▲ Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 74/NQ-ĐHĐCĐ-BT6, ngày 16/4/2010, Hội đồng quản trị đã triển khai các công việc phát hành trái phiếu trong năm 2010 như sau:
 - Tổ chức nhóm nghiên cứu và xây dựng các dự án khả thi để cùng các định chế tài chính tiếp xúc với các nhà đầu tư. Các dự án gồm:

- Nhà máy Beton 6 Tân Uyên;
- Nhà máy Beton 6 Long Hậu;
- Các định chế tài chính, nhà đầu tư lớn đã quan tâm và nghiên cứu trái phiếu:
 - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank);
 - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (HBBS);
 - Công ty Tài Chính Quốc Tế (IFC)
 - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Incombank).
 - Và một số nhà đầu tư khác.
- Tiến độ thực hiện: Các nhà đầu tư đang trong giai đoạn thẩm định hồ sơ.

12 Báo cáo việc thay đổi tên và logo công ty:

- ▲ Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 83/NQ-ĐHĐCĐ-BT6, ngày 10/8/2010, Hội đồng quản trị đã thực hiện các thủ tục cần thiết tiến hành đổi tên Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới thành Công ty Cổ phần Beton 6 và đã được chấp thuận theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700364079, thay đổi lần thứ 7, ngày 08/9/2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
- ▲ Thiết kế, đăng ký Logo mới cùng với việc giới thiệu hệ thống nhận dạng thương hiệu mới. Với sự kiện “Beton 6 – Tâm nhìn mới, sứ mệnh mới” đánh dấu cột mốc Beton 6 nâng cao tầm nhìn chiến lược khi tham gia vào việc dự thầu, quản lý và cung cấp giải pháp thi công, giải pháp tài chính cho khách hàng.



1 Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty BeTon 6: KHÔNG CÓ.

2 Các công ty con

Tên Công ty	Tỉ lệ phần sở hữu
Cty CP Bê tông Ly tâm 620	98,85%
Cty CP Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi	60,00%
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	57,58%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên Fico	57,57%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bình Châu	60,00%

3 Các công ty liên kết

Tên Công ty	Tỉ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Bê tông 620 Bình Minh	20,83%
Công ty Cổ phần Bê tông 620 Long An	38,10%
Công ty Cổ phần Xây dựng 620 Bến Tre	45,00%
Công ty TNHH Bê tông 620 Đồng Tâm	24,75%
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	22,00%
Công ty TNHH Thi công Cơ giới Châu Thới	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Hậu Giang	40,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 620 ĐăkLak	50,00%
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Sao Phương Nam	40,00%

1 Kết quả thẩm định và đánh giá của BKS về Báo cáo tài chính năm 2010:

- ▲ Căn cứ số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Beton6 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán A&C, BKS ghi nhận số liệu báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- ▲ Kết thúc năm tài chính 2010, Công ty cổ phần Beton 6 đạt kết quả như sau:
 - Doanh thu năm 2010 của công ty đạt 960 tỷ đồng, vượt kế hoạch 10 tỷ; sản lượng đạt 1.016 tỷ đồng, vượt kế hoạch 16 tỷ.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2010 đạt 116 tỷ đồng, đạt kế hoạch được giao.
 - Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Stt	Chỉ tiêu	2008	2009	2010
I	Khả năng thanh khoản			
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	1.75	1.61	1.16
2	Khả năng thanh toán nhanh	1.16	1.27	0.96
II	Năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	5.31	7.87	6.54
2	Thời gian tồn kho bình quân	67.8	45.74	55.82
3	Vòng quay khoản phải thu	3.27	3.06	2.90
4	Vòng quay khoản phải trả	2.3	2.24	8.32
5	Vòng quay TSCĐ	9.66	9.23	12.96
6	Vòng quay tổng tài sản	1.3	1.12	1.09
III	Cơ cấu tài chính			
7	Tỷ số nợ	49.43%	40.93%	59.37%
8	Hệ số nợ/VCSH	97.73%	69,29%	146%
9	Hệ số Nợ/VĐL	292.24%	248.58%	593.73%
IV	Khả năng sinh lời			
1	Tỷ suất Lợi nhuận ròng trên DT	4.28%	10.54%	9.61%
2	Tỷ suất Lãi gộp trên Doanh thu	12.51%	18.22%	15.54%
3	Tỷ số Lợi nhuận ròng trên Tài sản (ROA)	5.55%	11.82%	8.40%
4	Tỷ số Lợi nhuận ròng trên VCSH (ROE)	11.37%	20.72%	20.67%
V	Hiệu quả kinh doanh			
1	Tỷ số GVHB trên Doanh thu thuần	87.49%	81.78%	84.46%
2	Tỷ số CPBH trên Doanh thu thuần	0.00%	0.12%	0.17%
3	Tỷ số CPQL trên Doanh thu thuần	2.92%	5.10%	5.28%

Stt	Chỉ tiêu	2008	2009	2010
4	Thu nhập trên mỗi cổ phần	3,284	7,178	8,397
5	Giá trị sổ sách một cổ phần	29,904	35,874	40,626

2 Kết quả thẩm định và đánh giá của BKS về tình hình hoạt động của Công ty:

▲ **Hoạt động kinh doanh:**

Năm 2010 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, sản lượng và lợi nhuận so với kế hoạch được ĐHCĐ năm 2009 đề ra. Doanh thu tăng 28%, lợi nhuận sau thuế tăng 17% so với năm 2009.

Doanh thu	2010	2009	Tăng
Xây dựng	351.940.779.042	263.365.045.826	34%
SP Bê tông	542.111.933.817	433.286.157.296	25%
Khác	66.868.403.788	52.153.268.199	28%
Tổng DT	960.921.116.647	748.804.471.321	28%
Giá vốn	2010	2009	Tăng
Xây dựng	283.420.599.670	271.075.539.126	5%
SP Bê tông	462.083.299.783	296.116.340.396	56%
Khác	66.223.976.485	41.404.947.735	60%
Tổng GV	811.727.875.938	608.596.827.257	33%
LNST	92.348.390.005	78.947.087.513	17%

▲ **Hoạt động đầu tư:**

Trong năm, Công ty đã thực hiện việc góp vốn bằng tiền và cổ tức được chia từ Công ty CP Tân Uyên Fico, tăng tỷ lệ nắm giữ lên 57.57% vốn điều lệ Tân Uyên Fico. Ngoài ra, Công ty cũng tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Bê tông Ly tâm Dung Quất lên 57.58% và thoái vốn tại những công ty khác như: Bê tông Ly tâm Phương Nam, Công trình Giao thông 68, Xây dựng Công trình 675, Công trình Giao thông 624.

Công ty cũng đã thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá bổ sung cho các khoản đầu tư dài hạn với giá trị 5 tỷ trong năm, làm tăng tổng dự phòng lên 35 tỷ.

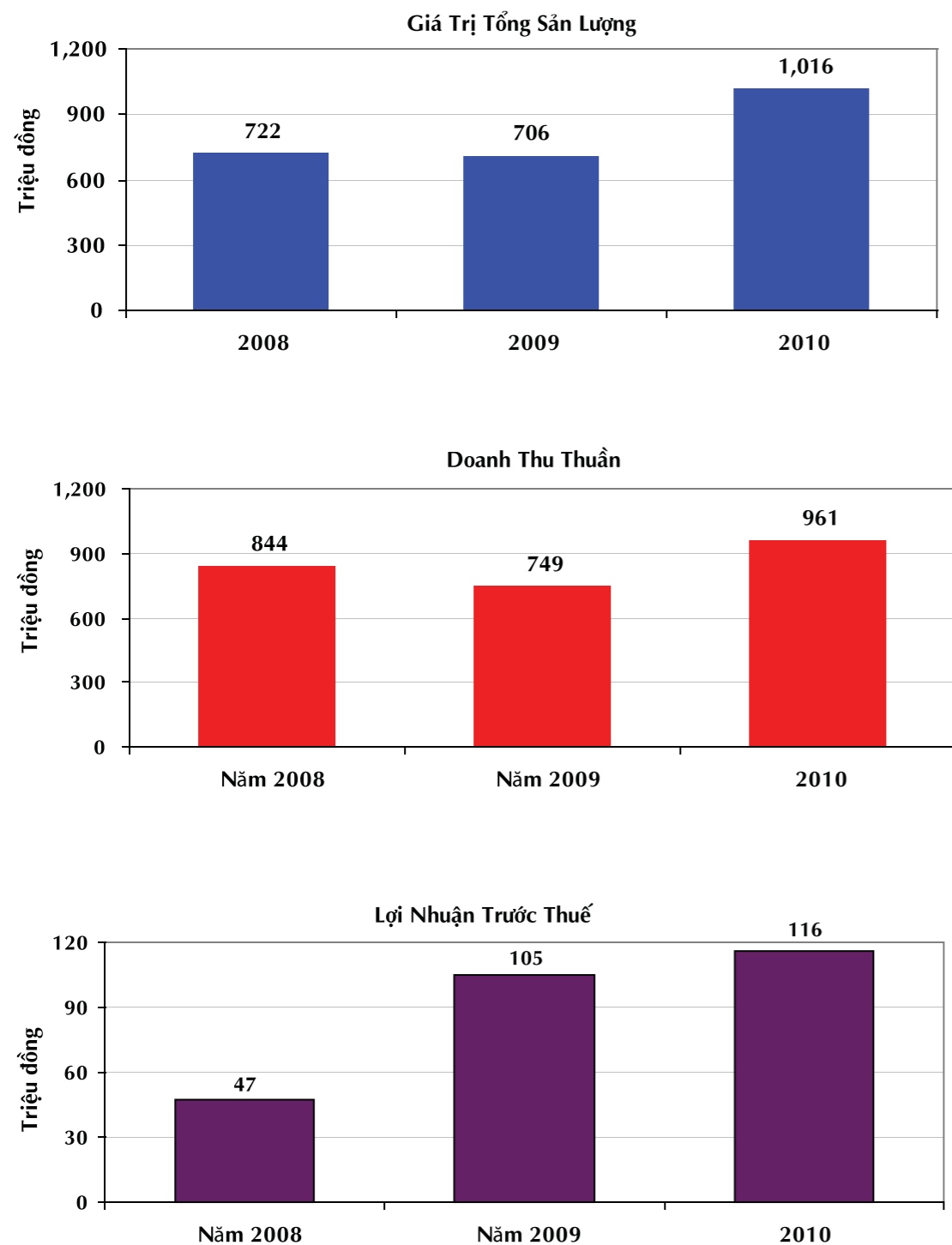
▲ **Tình hình nhân sự:**

Công ty đã xây dựng hệ thống nhân sự mới, với sự phân công phân nhiệm rõ ràng, cụ thể, gắn trách nhiệm với quyền lợi. Đồng thời, từng bước cải thiện lợi ích của người lao động như chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, tai nạn cho người lao động; nghiên cứu chế độ đãi ngộ và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với kế hoạch tăng trưởng của công ty đang được tiến hành.

▲ **Tình hình cổ phiếu:**

Theo tinh thần nghị quyết ĐHCĐ 2009, Công ty thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:2. Số lượng cổ phiếu lưu hành hiện tại là 32,9 triệu cổ phiếu. EPS năm 2010 đạt 40.626 đồng/cp, tăng 13% so với năm 2009. Trong năm, Công ty đã thực hiện việc trả cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt với tỷ lệ 18% cho cổ đông.

TM. BAN KIỂM SOÁT
ĐÀO MINH TRIẾT



1 Những sự kiện tiêu biểu trong năm:

- ▲ Đổi tên Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới thành Công ty Cổ phần Beton 6 cùng với việc giới thiệu hệ thống nhận dạng thương hiệu. Với sự kiện “Beton 6 – Tâm nhìn mới, sứ mệnh mới” đánh dấu cột mốc Beton 6 nâng cao tầm nhìn chiến lược khi tham gia vào việc dự thầu, quản lý và cung cấp giải pháp thi công, giải pháp tài chính cho khách hàng.
- ▲ Tăng vốn điều lệ từ 109.978.500.000 đồng lên 329.935.500.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiệu hữu.
- ▲ Tái cấu trúc lại một số đơn vị trong công ty cho phù hợp với nhu cầu phát triển mới.
- ▲ Tuyển dụng và bổ nhiệm:
 - Ban Tổng Giám đốc: 01 phó Tổng Giám đốc phụ trách hoạt động sản xuất, kinh doanh cọc bê tông.
 - Cấp quản lý: Giám đốc nhân sự, Giám đốc tài chính, Giám đốc kinh doanh, Giám đốc Marketing, Giám đốc nhà máy Bình Dương, Giám đốc kỹ thuật.
- ▲ Trúng thầu và ký kết 03 hợp đồng lớn với các đối tác với tổng giá trị lên đến 1.100 tỉ đồng trong quý IV/2010.
- ▲ Nằm trong danh mục Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2010 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam và Báo VietNamNet tổ chức.

2 Những đóng góp và chia sẻ đối với xã hội:

- ▲ Từ nhiều năm qua, Công ty duy trì việc tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động xã hội thông qua các công trình xóa cầu khỉ, nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho người nghèo ở vùng sâu, vùng xa, cứu trợ bão lụt, v.v.
- ▲ Năm 2010, Beton 6 đã quyên góp và ủng hộ đồng bào bị lũ lụt tại huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình với giá trị 180 triệu đồng góp phần kịp thời cứu trợ và ổn định đời sống của bà con địa phương



1 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

▲ Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

▲ Công ty cổ phần Beton 6 tiền thân là Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới là Doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty bê tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700364079 (số cũ 4603000013) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

▲ Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 8 năm 2001, lần thứ 4 ngày 08 tháng 11 năm 2006 về việc bổ sung vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 2 ngày 12 tháng 4 năm 2005 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 3 ngày 18 tháng 5 năm 2005 về việc thành lập chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 5 ngày 12 tháng 10 năm 2009 về việc thay đổi vốn điều lệ và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 7 ngày 08 tháng 9 năm 2010 về thay đổi tên doanh nghiệp.

▲ Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Góp vốn (VNĐ)	Tỷ lệ(%)
Cổ đông Nhà nước (Tổng Cty xây dựng công trình giao thông 6)	6.523.010.000	5,93
Các cổ đông khác	103.455.490.000	94,07
Cộng	109.978.500.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0650)3571617 - 3750650

Fax: (0650)3751628

E-mail: 620company@hcm.vnn.vn

Mã số thuế: 3700364079



▲ Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc..); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, phụ tùng ngành xây dựng.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

- ▲ Năm 2010, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng khoảng 212 tỷ VND # 28% so với năm 2009, chủ yếu là do tăng doanh thu sản phẩm cọc ván; Sản phẩm bê tông cọc ống và doanh thu xây dựng công trình. Ngoài ra, doanh thu sản phẩm dầm có giảm do nhu cầu thị trường giảm.
- ▲ Năm 2010, chi phí quản lý tăng khoảng 12,5 tỷ VND # 32,8% so với năm 2009 chủ yếu là do tiền lương, chi phí tư vấn đánh giá toàn bộ hoạt động của Công ty và chi phí thuê văn phòng tăng.
- ▲ Ngoài ra, chi phí lãi vay tăng khoảng 11,6 tỷ VND # 311,4% so với năm 2009 chủ yếu do các khoản vay ngắn hạn tăng để phục vụ nhu cầu sản xuất tăng mạnh trong năm.
- ▲ Trong năm, Công ty hoàn nhập dự phòng công trình và quỹ lương thừa lũy kế của các năm trước với số tiền khoảng 30,6 tỷ VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

- ▲ Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).
- ▲ Trong năm, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ (lợi nhuận sau thuế)	VND
Trích quỹ dự phòng tài chính	1,92%	1.519.583.629
Trích quỹ đầu tư phát triển	63%	49.736.665.133
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	3%	2.368.412.625
Trích quỹ khen thưởng	3,5%	2.763.148.063
Trích quỹ phúc lợi	3,5%	2.763.148.063
Chi trả cổ tức	18% vốn điều lệ = 25%	19.796.130.000



Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đã được cho phép tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:2 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 02 cổ phiếu thưởng) theo Thông báo số 125/2011/TB-SGDHCM ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hùng	Chủ tịch	08/4/2006	-
Ông Trịnh Thanh Huy	Ủy viên	30/9/2009	-
Ông Nguyễn Trung Hậu	Ủy viên	01/01/2009	-
Ông Hà Đức Bình	Ủy viên	01/01/2009	-
Ông Kiều Hữu Dũng	Ủy viên	10/7/2009	07/4/2010
Ông Nguyễn Nam Thắng	Ủy viên	07/4/2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Diệp Vĩnh Bình	Trưởng ban	02/4 /2009	16/4 /2010
Ông Phạm Ngọc Bích	Ủy viên	30/9/2009	16/4/2010
Ông Lâm Chí Trung	Ủy viên	30/9/2009	16/4/2010
Ông Đào Minh Triết	Ủy viên	16/4/2010	-
Ông Nguyễn Văn Đua	Ủy viên	16/4/2010	-
Ông Trần Thanh Dũng	Ủy viên	16/4/2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Hậu	TGD	30/9/2009	-
Ông Trần Khắc Lợi	PTGD	10/02/2001	-
Ông Phạm Đình Nhật Kỳ	PTGD	10/02/2001	-
Ông Hà Thanh Mẫn	PTGD	26/7/2004	-
Ông Trương Chí Nhân	PTGD	18/8/2010	-



Kiểm toán viên

- ▲ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

- ▲ Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:
 - Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
 - Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
 - Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
 - Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- ▲ Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính
- ▲ Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

 Nguyễn Trung Hậu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 4 năm 2011

1 Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2010

Kính gửi: **CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cổ phần Beton 6 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 10 tháng 3 năm 2011, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Beton 6 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Vấn đề lưu ý

Không phủ nhận ý kiến đã nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và các khoản nợ ngắn hạn được ghi nhận trên chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái thay vì kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí theo như hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (xem phụ lục 1 đính kèm Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC làm cho lợi nhuận năm nay giảm 826.835.132 VND so với việc áp dụng hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1257/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2011

1 Báo cáo bộ phận

	Xây dựng	Sản phẩm bê tông	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	351,940,779,042	542,111,933,817	66,868,403,788		960,921,116,647
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	351,940,779,042	542,111,933,817	66,868,403,788		960,921,116,647
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	68,520,179,372	78,460,706,316	716,783,323		147,697,669,011
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(50,748,365,167)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					96,949,303,844
Doanh thu hoạt động tài chính					15,993,088,077
Chi phí tài chính					25,822,545,323
Thu nhập khác					48,373,737,718
Chi phí khác					11,353,944,391
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					30,857,655,226
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					933,594,694
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					933,594,694
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					92,348,390,005

	Xây dựng	Sản phẩm bê tông	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10,902,995,932	3,827,318,879	1,780,619,057		16,510,933,868
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2,993,001,904	9,119,468,582	2,014,282,192		14,126,752,678
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	1,660,540,763	(1,572,235,051)			88,305,712
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	263,365,045,826	433,286,157,296	52,153,268,199		748,804,471,321
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	263,365,045,826	433,286,157,296	52,153,268,199		748,804,471,321
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7,710,493,300	133,599,917,275	9,595,596,040		135,485,020,015
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(38,219,815,148)

	Xây dựng	Sản phẩm bê tông	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					97,265,204,867
Doanh thu hoạt động tài chính					19,047,278,547
Chi phí tài chính					(11,391,338,041)
Thu nhập khác					1,452,153,534
Chi phí khác					(1,343,440,934)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(28,806,220,548)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					2,723,450,088
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					78,947,087,513
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3,303,469,867	3,180,168,143	552,037,512		7,035,675,522
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3,653,252,110	6,981,083,743	2,052,622,118		12,686,957,971
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	38,515,052,609	14,102,453,317			52,617,505,926

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2011

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu

Huỳnh Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Hậu
Tổng Giám đốc

1 Bảng cân đối kế toán - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		708,703,721,293	366,398,270,242
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	109,978,082,584	31,769,663,160
Tiền	111		35,294,491,758	2,269,663,160
Các khoản tương đương tiền	112		74,683,590,826	29,500,000,000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26,000,000,000	10,000,000,000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	26,000,000,000	10,000,000,000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	-	-	-
Các khoản phải thu	130		445,297,687,237	244,999,136,972
Phải thu của khách hàng	131	V.3	419,048,782,312	244,434,443,891
Trả trước cho người bán	132	V.4	29,431,610,241	14,674,146,479
Phải thu nội bộ	133	-	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-	-
Các khoản phải thu khác	138	V.5	12,654,924,338	3,805,287,283
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(15,837,629,654)	(17,914,740,681)
Hàng tồn kho	140		124,124,503,816	77,841,765,205
Hàng tồn kho	141	V.7	127,786,404,065	81,650,575,169
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3,661,900,249)	(3,808,809,964)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3,303,447,656	1,787,704,905
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	3,303,447,656	1,787,704,905
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		391,062,487,080	301,529,395,057
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	218	-	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-	-
Tài sản cố định	220		67,218,089,751	81,112,250,354
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	57,822,453,408	67,009,406,217
Nguyên giá	222		166,641,408,625	163,242,677,666
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108,818,955,217)	(96,233,271,449)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-
Nguyên giá	225	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	-	-	-
Nguyên giá	228	-	-	-

44
 TỶ
 NHÌ
 ĐÁN
 VẮT
 100%

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản đầu tư	240	V.12	6,517,787,425	9,704,396,450
Nguyên giá	241		6,517,787,425	9,704,396,450
Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		297,742,182,216	207,509,591,874
Đầu tư vào công ty con	251	V.13	137,288,177,686	101,110,538,009
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	63,939,168,268	69,715,459,665
Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	131,866,757,544	67,639,360,000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.16	(35,351,921,282)	(30,955,765,800)
Tài sản dài hạn khác	260		19,584,427,688	3,203,156,379
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	5,516,298,703	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	2,256,561,685	3,190,156,379
Tài sản dài hạn khác	268	V.19	11,811,567,300	13,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,099,766,208,373	667,927,665,299
NỢ PHẢI TRẢ	300		652,971,091,634	286,616,934,946
Nợ ngắn hạn	310		611,181,561,808	240,745,630,138
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	259,445,028,265	57,467,124,291
Phải trả người bán	312	V.21	156,716,891,441	49,479,806,731
Người mua trả tiền trước	313	V.22	113,983,725,341	63,878,453,036
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	22,022,455,487	24,844,047,876
Phải trả người lao động	315	V.24	15,718,081,741	30,524,084,200
Chi phí phải trả	316	V.25	21,732,519,017	41,451,978
Phải trả nội bộ	317	-	-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	3,952,496,764	1,282,341,780
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	17,610,363,752	13,228,320,246
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-	-
Nợ dài hạn	320		41,789,529,826	45,871,304,808
Phải trả dài hạn người bán	331	-	-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	333	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	334	V.28	5,117,900,000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	8,703,491,133	7,334,366,008
Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.30	27,968,138,693	38,536,938,800
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-	-
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		446,795,116,739	381,310,730,353
Vốn chủ sở hữu	410		446,795,116,739	381,310,730,353
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	109,978,500,000	109,978,500,000
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.31	122,689,948,000	122,689,948,000
Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	414	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.31	841,347,238	14,512,106
Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	120,470,225,205	62,517,648,081
Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-	6,696,328,362
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	92,815,096,296	79,413,793,804



Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,099,766,208,373	667,927,665,299

2 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài			-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		V.32	7,324,102,290	5,574,755,385
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			15,067.04	15,052.00
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Người lập biểu

Huỳnh Thị Thanh Hà
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2011

 Nguyễn Trung Hậu
 Tổng Giám đốc

1 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	960,921,116,647	748,804,471,321
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	960,921,116,647	748,804,471,321
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	811,580,966,223	612,405,637,221
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		149,340,150,424	136,398,834,100
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15,993,088,077	19,047,278,547
Chi phí tài chính	22	VI.4	25,822,545,323	11,391,338,041
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15,335,276,942	3,727,795,099
Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,642,481,413	913,814,085
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	50,748,365,167	38,219,815,148
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		87,119,846,598	104,921,145,373
Thu nhập khác	31	VI.7	48,373,737,718	1,452,153,534
Chi phí khác	32	VI.8	18,832,047,493	1,343,440,934
Lợi nhuận khác	40		29,541,690,225	108,712,600
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		116,661,536,823	105,029,857,973
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	23,379,552,124	28,806,220,548
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.18	933,594,694	(2,723,450,088)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		92,348,390,005	78,947,087,513
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

1410
 C
 TRÁCH
 KIẾ
 7
 (4/1)

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2011

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu

Huỳnh Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Hậu
Tổng Giám đốc

1 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Theo phương pháp gián tiếp) Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	
Lợi nhuận trước thuế	01		116,661,536,823	105,029,857,973
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	14,126,752,678	12,686,957,971
Các khoản dự phòng	03	V.6,8,16	4,318,539,027	7,764,110,371
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23,202,410,875)	(18,627,236,126)
Chi phí lãi vay	06	VI.4	15,335,276,942	3,727,795,099
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		127,239,694,595	110,581,485,288
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(191,452,143,078)	(7,982,337,703)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46,135,828,896)	57,481,935,646
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		160,555,500,808	73,012,151,532
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	95,848,928
Tiền lãi vay đã trả	13		(15,335,276,942)	(3,727,795,099)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(28,547,930,981)	(14,322,923,693)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		73,222,000	177,993,100
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(15,626,191,037)	(6,651,287,744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9,228,953,531)	208,665,070,255
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15,273,593,079)	(16,602,612,584)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		22,401,265,455	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(102,710,247,544)	(10,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,000,000,000	5,000,000,000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(32,658,524,217)	(79,683,248,009)
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		15,865,719,000	33,417,894,456
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,448,527,422	2,653,949,539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(98,926,852,963)	(65,214,016,598)

47
 IG
 TIỀN
 TÔI
 V
 HC

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20,28	327,898,658,456	116,425,824,039
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20	(121,757,444,441)	(225,961,881,044)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(1,769,022,501)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(19,791,900,000)	(10,133,107,569)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		186,349,314,015	(121,438,187,075)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		78,193,507,521	22,012,866,582
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31,769,663,160	9,771,532,123
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14,911,903	(14,735,545)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	109,978,082,584	31,769,663,160



Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2011

Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Người lập biểu

Huỳnh Thị Thanh Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Hậu
 Tổng Giám đốc



1 Đặc điểm hoạt động của công ty

- ▲ **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
- ▲ **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- ▲ **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc...); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, phụ tùng ngành xây dựng.
- ▲ **Nhân viên:**
 - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 846 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 734 nhân viên).
- ▲ **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
 - Năm 2010, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng khoảng 212 tỷ VND # 28% so với năm 2009, chủ yếu là do tăng doanh thu sản phẩm cọc ván; Sản phẩm bê tông cọc ống và doanh thu xây dựng công trình. Ngoài ra, doanh thu sản phẩm dầm có# giảm do nhu cầu thị trường giảm.
 - Năm 2010, chi phí quản lý tăng khoảng 12,5 tỷ VND # 32,8% so với năm 2009 chủ yếu là do tiền lương, chi phí tư vấn đánh giá toàn bộ hoạt động của Công ty và chi phí thuê văn phòng tăng.
 - Chi phí lãi vay tăng khoảng 11,6 tỷ VND # 311,4% so với năm 2009 chủ yếu do các khoản vay ngắn hạn tăng để phục vụ nhu cầu sản xuất tăng mạnh trong năm.
 - Trong năm, Công ty hoàn nhập dự phòng công trình và quỹ lương thừa lũy kế của các năm trước với số tiền khoảng 30,6 tỷ VND.

2 Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- ▲ **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- ▲ **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

- Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

4 Các chính sách kế toán áp dụng

Cơ sở lập báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Tiền và tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.
- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
 - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính hữu hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.
- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7



▲ Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.
- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn (thời gian sử dụng đất lâu dài) nên không tính khấu hao.

▲ Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

▲ Đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

▲ Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 02 năm.

▲ Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

- Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

▲ Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1/2 tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.
- Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

Các khoản dự phòng phải trả

- Dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập bằng 5% doanh thu bán sản phẩm và 5% tổng giá trị công trình đối với các công trình xây lắp.

Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
 - Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
 - Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ tức

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm cổ tức được công bố.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.
- Thuế thu nhập hiện hành
 - Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế.

CƠ HỘI ĐẦU TƯ

CƠ HỘI ĐẦU TƯ

- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.
- ▲ Thuế thu nhập hoãn lại
- Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.
 - Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- ▲ Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.
 - Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:
 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh

lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.
- Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:
 - 31/12/2009: 17.941 VND/USD
 - 31/12/2010: 18.932 VND/USD

▲ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm
 - Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.
 - Tiền lãi
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

▲ Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
 Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:
 - Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
 - Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

▲ Báo cáo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

▲ Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

5 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

▲ Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	788.132.000	204.272.000
Tiền gửi ngân hàng (i)	34.506.359.758	2.065.391.160
Các khoản tương đương tiền	74.683.590.826	29.500.000.000
Cộng	109.978.082.584	31.769.663.160

(i) Trong đó số dư tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định (xem thuyết minh số V.19).

▲ Đầu tư ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

▲ Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động xây lắp	140.752.782.976	78.221.854.704
Sản phẩm bê tông	203.239.566.612	121.628.782.966
Hoạt động thương mại	75.056.432.724	44.583.806.221
Cộng	419.048.782.312	244.434.443.891

▲ Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà thầu thi công	19.693.931.081	13.673.902.536
Nhà cung cấp vật tư, phụ tùng	397.282.130	445.163.754
Các nhà cung cấp khác	9.340.397.030	555.080.189
Cộng	29.431.610.241	14.674.146.479



	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Bê tông 620 - Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư Công ty cổ phần cảng Bình Minh)	3.274.620.871	
Công ty cổ phần cảng Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư)	1.711.920.316	
Cổ tức	3.957.043.333	1.587.043.333
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.390.277.778	
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre (vay hộ)	2.109.460.846	2.109.460.846
Các khoản khác	211.601.194	108.783.104
Cộng	12.654.924.338	3.805.287.283

▲ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm		3.082.990.168
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.273.350.819	1.517.629.555
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.180.819.849	2.199.014.213
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	8.383.458.986	11.115.106.745
Cộng	15.837.629.654	17.914.740.681

320
 CỘT
 CHỈ
 TIẾM
 TỰ

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.914.740.681	8.487.771.919
Trích lập dự phòng bổ sung	-	10.271.757.162
Số hoàn nhập	(830.706.740)	-
Xử lý công nợ	(1.246.404.287)	(694.788.400)
Giảm khác	-	(150.000.000)
Số cuối năm	15.837.629.654	17.914.740.681

▲ Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	27.796.379.060	23.325.496.568
Công cụ, dụng cụ	537.958.369	350.442.520
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.690.805.586	30.013.097.841
Thành phẩm	70.739.239.050	26.666.300.145
Hàng hóa	22.022.000	1.295.238.095
Cộng	127.786.404.065	81.650.575.169

▲ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.080.368.404	1.152.724.424
Thành phẩm	2.581.531.845	2.656.085.540
Cộng	3.661.900.249	3.808.809.964

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.808.809.964	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	3.808.809.964
Hoàn nhập dự phòng	(146.909.715)	-
Số cuối năm	3.661.900.249	3.808.809.964

442
 3 T
 NH
 DAN
 VAI
 10 C

▲ Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	2.838.083.144	1.736.644.905
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	465.364.512	51.060.000
Cộng	3.303.447.656	1.787.704.905

▲ Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.039.808.280	65.910.998.237	66.533.657.368	1.758.213.781	163.242.677.666
Mua trong năm	578.827.620	3.871.563.987	9.637.469.567	1.613.981.785	15.701.842.959
Thanh lý, nhượng bán (12.303.112.000)	-	-	-	-	(12.303.112.000)
Số cuối năm	17.315.523.900	69.782.562.224	76.171.126.935	3.372.195.566	166.641.408.625
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.350.631.882	30.510.495.199	20.561.063.998	1.535.574.269	54.957.765.348
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.833.362.951	45.520.436.363	43.337.450.242	1.542.021.893	96.233.271.449
Khấu hao trong năm	2.106.913.384	4.948.039.679	6.864.477.296	207.322.319	14.126.752.678
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi	99.346.020	-	-	99.346.020	
Thanh lý, nhượng bán (1.640.414.930)	-	-	-	-	(1.640.414.930)
Số cuối năm	6.399.207.425	50.468.476.042	50.201.927.538	1.749.344.212	108.818.955.217
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.206.445.329	20.390.561.874	23.196.207.126	216.191.888	67.009.406.217
Số cuối năm	10.916.316.475	19.314.086.182	25.969.199.397	1.622.851.354	57.822.453.408
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

▲ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình nhà xưởng giao thông nông thôn	-	2.649.494.309
Công trình nhà xưởng gia công cốt thép	-	1.547.251.667
Công trình mở rộng bãi dả	8.586.545.434	8.586.545.434
Công trình nhà nghỉ cán bộ công nhân viên	-	246.178.249
Công trình nhà xưởng cơ khí	-	1.073.374.478
Công trình phòng thí nghiệm	809.090.909	-
Cộng	9.395.636.343	14.102.844.137

▲ Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	9.704.396.450
Thanh lý, nhượng bán (3.186.609.025)	
Số cuối năm	6.517.787.425
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	9.704.396.450
Số cuối năm	6.517.787.425

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng lâu dài liên quan đến các Lô Bp-45 và Bp-46 tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

▲ Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu (i)	69.000	690.000.000	69.000	690.000.000
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 (ii)	3.295.000	59.370.538.009	3.300.000	59.420.538.009
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico (iii)	3.022.408	65.915.239.677	1.784.558	35.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi (iv)	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất (v)	531.240	5.312.400.000	-	-
Cộng		137.288.177.686		101.110.538.009

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701469571 ngày 10 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu 690.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ.
- (ii) Trong năm Công ty đã bán 5.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 với giá bán là 50.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.295.000 cổ phiếu, tương đương 99,85% vốn điều lệ của Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 (số đầu năm là 3.300.000 cổ phiếu, tương đương 100% vốn điều lệ).
- (iii) Trong năm Công ty được trả cổ tức bằng 20% vốn điều lệ với số tiền là 3.569.115.460 VND dùng để góp vốn bổ sung tăng vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty cũng góp bổ sung vốn điều lệ bằng tiền là 8.809.384.217 VND, mua cổ phần đợt cuối với số tiền là 18.536.740.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 57,566% vốn điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản Tân Uyên Fico.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6503000028 thay đổi lần 1 ngày 4 tháng 02 năm 2008, Công ty đầu tư trực tiếp vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi với số tiền 6.000.000.000 VND tương đương 15% trên vốn đầu lệ. Ngoài ra, Công ty cũng đầu tư gián tiếp vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi với số tiền 17.973.000.000 VND tương đương 44,93% trên vốn điều lệ.
- (v) Trong năm Công ty mua 531.240 cổ phiếu với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu tương đương với 18,91%. Ngoài ra, Công ty cũng đầu tư gián tiếp vào Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất với số tiền 10.863.032.037 VND tương đương 38,67%.

▲ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh (i)	1.250.000	12.500.000.000	1.250.000	12.500.000.000
Cty cổ phần bê tông 620 - Long An (ii)	1.600.000	16.000.000.000	1.600.000	16.000.000.000
Cty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre (iii)	81.520	815.200.000	81.520	815.200.000
Cty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm (iv)		4.950.000.000		4.950.000.000
Cty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (v)		29.373.968.268		29.373.968.268
Cty TNHH thi công cơ giới Châu Thới (vi)		300.000.000		300.000.000
Cty cổ phần cảng Bình Minh (vii)		-		5.776.291.397
Cộng		63.939.168.268		69.715.459.665

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500419552 ngày 27 tháng 5 năm 2004, thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh 12.500.000.000 VND, tương đương 20,83% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000140 ngày 09 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 - Long An 16.000.000.000 VND, tương đương 38,10% vốn điều lệ..
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5503000012 ngày 26 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre 815.200.000 VND, tương đương 45,00% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 502021000028 ngày 23 tháng 8 năm 2007 do Ban Quản lý Khu Công Nghiệp Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm 4.950.000.000 VND, tương đương 24,75% vốn điều lệ.
- (v) Theo sự ủy quyền của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6, Công ty đã tham gia góp vốn vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu với số tiền 29.373.968.268 VND. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu vẫn chưa hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo qui định để xác nhận tư cách thành viên của Công ty cổ phần Beton 6.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102041657 ngày 02 tháng 08 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới 300.000.000 VND, tương đương 30,00% vốn điều lệ.
- (vii) Công ty thanh lý khoản đầu tư này.

▲ Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		38.496.510.000		46.977.360.000
- Cty CP Cảng Vĩnh Long	300.000	3.060.000.000	300.000	3.060.000.000
- Cty CP Đồng Tâm	325.000	30.500.000.000	325.000	30.500.000.000
- Cty CP trang trí đá Vĩnh Cửu	60.000	2.040.000.000	60.000	2.040.000.000
- Cty CP vật tư thiết bị & XD công trình 624 (i)	-	-	360.000	4.680.000.000
- Cty CP XD CT 675 (ii)	-	-	200.000	2.000.000.000
- Cty CP XNK & XD công trình (Tranimexco)	150.000	2.050.000.000	150.000	2.050.000.000
- Cty CP CTGT 68 (iii)	-	-	190.900	1.800.850.000
- Ngân hàng thương mại CP SG Công Thương	89.925	846.510.000	89.925	846.510.000
Đầu tư trái phiếu Chính phủ, đáo hạn ngày 10/8/2010, lãi suất 8,6%/năm.		-		2.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		104.682.647.544		26.660.000.000
- Cty CP bê tông ly tâm Phương Nam (iv)	-	-	400.000	4.000.000.000
- Cty CP bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
- Cty CP BOT cầu Phú Mỹ	1.516.000	15.160.000.000	1.516.000	15.160.000.000
Cho vay dài hạn (v)		76.710.247.544		-
Cộng		131.866.757.544		67.639.360.000

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- (i) Cổ phiếu Công ty cổ phần vật tư thiết bị & xây dựng công trình 624 giảm do bán toàn bộ 360.000 cổ phiếu với giá bán là 10.500 VND/cổ phiếu.
- (ii) Cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng công trình 675 giảm do bán toàn bộ 200.000 cổ phiếu với giá bán là 10.500 VND/cổ phiếu.
- (iii) Cổ phiếu Công ty cổ phần công trình giao thông 68 giảm do bán toàn bộ 190.900 cổ phiếu với giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu.
- (iv) Cổ phiếu Công ty cổ phần bê tông ly tâm Phương Nam giảm do bán toàn bộ 400.000 cổ phiếu với giá bán là 8.000 VND/cổ phiếu.
- (v) Theo Biên bản thỏa thuận được lập ngày 24 tháng 12 năm 2010, khoản cho vay 76.710.247.544 VND theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 10 tháng 6 năm 2010 đã được chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt. Theo đó, Công ty cổ phần Beton 6 được phép sử dụng toàn bộ công suất sản xuất tại nhà máy của Công ty cổ phần 3D để đảm bảo nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty.

▲ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các cty con	1.084.687.381	4.120.765.800
- Cty CP Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi	514.367.713	-
- Cty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất	570.319.668	-
Dự phòng khoản lỗ của các cty liên kết	7.079.723.978	4.120.765.800
- Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	815.200.000	815.200.000
- Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm	1.181.777.178	408.637.639
- Công ty cổ phần cảng Bình Minh	-	2.596.928.161
- Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	300.000.000	300.000.000
- Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	4.782.746.800	-
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	27.187.509.923	26.835.000.000
- Công ty cổ phần trang trí đá Vĩnh Cửu	1.320.000.000	960.000.000
- Cty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	112.509.923	-
- Công ty cổ phần Đồng Tâm	24.650.000.000	24.125.000.000
- Cty CP XNK & XD công trình (Tranimexco)	1.105.000.000	850.000.000
- Cty CP vật tư thiết bị & XD công trình 624	-	900.000.000
Cộng	35.351.921.282	30.955.765.800

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

▲ Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	30.955.765.800	26.986.714.155
Trích lập dự phòng bổ sung	5.296.155.482	3.969.051.645
Thanh lý khoản đầu tư	(900.000.000)	-
Số cuối năm	35.351.921.282	30.955.765.800

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty mở tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

▲ Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	57.467.124.291	322.141.158.456	-	(121.757.444.441)	954.589.959	258.805.428.265
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	639.600.000	-	639.600.000
Cộng	57.467.124.291	322.141.158.456	639.600.000	(121.757.444.441)	954.589.959	259.445.028.265

▲ Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp cấp	18.799.520.939	4.422.224.882
Nhà cung cấp cát	3.557.048.242	334.137.820
Nhà cung cấp đá	6.875.698.984	3.090.421.543
Nhà cung cấp sắt	42.282.906.815	13.103.528.291
Nhà cung cấp phụ gia	6.045.090.570	2.478.871.252
Nhà cung cấp xi măng	20.835.012.101	6.718.709.250
Nhà cung cấp khác	58.321.613.790	19.331.913.693
Cộng	156.716.891.441	49.479.806.731

48.0
 TỶ
 LƯU H
 N VÀ
 L
 CH

▲ Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	54.775.268.852	38.634.855.487
Các khoản trả trước khác	59.208.456.489	25.243.597.549
Cộng	113.983.725.341	63.878.453.036

▲ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.046.750.357	6.977.197.913	(13.859.540.906)	3.164.407.364
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	75.845.393	8.263.188.359	(6.639.538.262)	1.699.495.490
Thuế xuất, nhập khẩu	44.181.782	1.870.049.645	(1.811.148.689)	103.082.738
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.508.489.820	30.857.655.226	(28.547.930.981)	16.818.214.065
Thuế thu nhập cá nhân	168.780.524	1.452.705.361	(1.384.230.055)	237.255.830
Các loại thuế khác	-	100.632.000	(100.632.000)	-
Cộng	24.844.047.876	49.521.428.504	(52.343.020.893)	22.022.455.487

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thi công công trình cho các dự án ODA	0%
Sản phẩm bê tông, công trình xây dựng và dịch vụ vận chuyển	10%
Hàng hóa khác	5%-10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%

▲ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm này	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	116.661.536.823	105.029.857.973
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	12.287.517.928	13.656.592.155
- Các khoản điều chỉnh giảm	(35.430.846.255)	(3.461.567.936)
Tổng thu nhập chịu thuế	93.518.208.496	115.224.882.192
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.379.552.124	28.806.220.548
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	7.478.103.102	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	30.857.655.226	28.806.220.548

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

▲ **Phải trả người lao động**

Quỹ lương còn lại phải trả cho cán bộ công nhân viên Công ty.

▲ **Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình	335.390.603	41.451.978
Chi phí công trình TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây	20.571.022.711	-
Chi phí vận chuyển	826.105.703	-
Cộng	21.732.519.017	41.451.978

▲ **Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	489.298.086	313.197.851
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	73.222.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	254.157.200	249.927.200
Các khoản phải trả khác	3.135.819.478	719.216.729
Cộng	3.952.496.764	1.282.341.780

▲ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Giảm khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	10.635.949.477	5.131.560.688	-	(1.207.555.682)	14.559.954.483
Quỹ phúc lợi	2.592.370.769	2.763.148.063	(99.346.020)	(2.205.763.543)	3.050.409.269
Cộng	13.228.320.246	7.894.708.751	(99.346.020)	(3.413.319.225)	17.610.363.752

▲ **Vay và nợ dài hạn**

Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Indovina theo Hợp đồng vay số 149/1210/MTLc/1027616 ngày 07 tháng 12 năm 2010 để mua máy móc thiết bị với lãi suất 18%/năm.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	639.600.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	5.117.900.000	-
Tổng nợ	5.757.500.000	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay của Ngân hàng Indovina như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Số tiền vay phát sinh	5.757.500.000	-
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	639.600.000	-
Số cuối năm	5.117.900.000	-

▲ Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.334.366.008	-
Số trích lập bổ sung	1.720.357.291	7.334.366.008
Số đã chi	(351.232.166)	-
Số cuối năm	8.703.491.133	7.334.366.008

▲ Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến chi phí bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	38.536.938.800	-
Tăng do trích lập	1.065.922.167	38.536.938.800
Số đã sử dụng	(116.354.739)	-
Số hoàn nhập	(11.518.367.535)	-
Số cuối năm	27.968.138.693	38.536.938.800

▲ Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Cổ tức

Công ty đã chi trả cổ tức năm trước với số tiền 19.791.900.000 VND bằng 18% vốn điều lệ theo biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên tài khóa 2009 ngày 16 tháng 4 năm 2010.

Cổ phiếu (Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.997.850	10.997.850
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.997.850	10.997.850
- Cổ phiếu phổ thông	10.997.850	10.997.850
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.997.850	10.997.850
- Cổ phiếu phổ thông	10.997.850	10.997.850
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

▲ Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	5.574.755.385	4.879.966.985
Nợ khó đòi đã xử lý	1.749.346.905	694.788.400
Số cuối năm	7.324.102.290	5.574.755.385

6 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

▲ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	960.921.116.647	748.804.471.321
Doanh thu hoạt động xây dựng	351.940.779.042	263.365.045.826
Doanh thu sản phẩm bê tông	542.111.933.817	433.286.157.296
Doanh thu khác	66.868.403.788	52.153.268.199
Doanh thu thuần	960.921.116.647	748.804.471.321
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động xây dựng	351.940.779.042	263.365.045.826
Doanh thu sản phẩm bê tông	542.111.933.817	433.286.157.296
Doanh thu khác	66.868.403.788	52.153.268.199

▲ Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây dựng	283.420.599.670	271.075.539.126
Giá vốn của sản phẩm bê tông	462.083.299.783	296.116.340.396
Giá vốn khác	66.223.976.485	41.404.947.735
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(146.909.715)	3.808.809.964
Cộng	811.580.966.223	612.405.637.221

▲ Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	542.636.562	406.806.552
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.488.439.927	1.758.991.539
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	860.000	70.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.288.620.733	824.958.000
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	4.672.530.855	15.986.522.456
Cộng	15.993.088.077	19.047.278.547

▲ Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.335.276.942	3.727.795.099
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.391.112.899	4.719.630.316
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	5.296.155.482	2.903.931.645
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	800.000.000	-
Chi phí tài chính khác	-	39.980.981
Cộng	25.822.545.323	11.391.338.041

▲ Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	2.240.623.637	-
Chi phí khác	(598.142.224)	913.814.085
Cộng	1.642.481.413	913.814.085

▲ Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.819.964.665	1.361.911.793
Chi phí nhân công	23.073.127.781	11.811.596.356
Chi phí khấu hao tài sản cố định	494.394.932	506.587.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.340.385	394.440.369
Chi phí khác	24.975.537.404	24.145.278.782
Cộng	50.748.365.167	38.219.815.148

▲ Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	17.627.379.091	-
Lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết	-	295.512.595
Thanh lý công cụ, dụng cụ	43.094.000	33.249.700
Hoàn nhập bảo hành công trình	10.604.553.450	-
Thu nhập từ tiền lương không chi hết	20.055.609.760	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	1.062.203.942
Các khoản thu nhập khác	43.101.417	61.187.297
Cộng	48.373.737.718	1.452.153.534

▲ Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	10.662.697.070	-
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	47.363.636	-
Điều chỉnh khối lượng công trình theo quyết toán	-	1.026.329.377
Thuế truy thu	7.478.103.102	-
Xử lý công nợ khó thu hồi	502.942.618	-
Phạt nợ quá hạn, lãi chậm nộp	-	77.284.743
Các khoản chi phí khác	140.941.067	239.826.814
Cộng	18.832.047.493	1.343.440.934

▲ Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

047
 JNG
 KH
 M TO
 L V
 PHI

047
 Y
 U H
 VÀ
 HI M

▲ Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	527.480.125.353	345.567.458.891
Chi phí nhân công	81.558.772.279	54.733.938.687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.126.752.678	12.686.957.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.135.395.318	1.530.360.979
Chi phí khác	178.086.609.989	146.782.739.647
Cộng	803.387.655.617	561.301.456.175

7 Những thông tin khác

▲ Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

- Công ty đã được cho phép tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:2 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 02 cổ phiếu thưởng) theo Thông báo số 125/2011/TB-SGDHCM ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

▲ Giao dịch với các bên liên quan

• Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

• Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.676.127.910	2.463.842.523
Thu nhập Hội đồng quản trị	513.000.000	716.000.000
Tiền thưởng	684.195.432	967.266.693
Cộng	3.873.323.342	4.147.109.216

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Cty CP bê tông 620 - Bình Minh	Cty liên kết chiếm 20,83% vốn điều lệ
Cty CP xây dựng 620 Bến Tre	Cty liên kết chiếm 45,00% vốn điều lệ
Cty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Cty liên kết chiếm 30,00% vốn điều lệ
Cty CP bê tông 620 - Long An	Cty liên kết chiếm 38,10% vốn điều lệ
Cty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Cty liên kết chiếm 22,00% vốn điều lệ

Cty CP bê tông SG 620	Đầu tư dài hạn khác chiếm 12,50% vốn điều lệ và Giám đốc của Công ty là cá nhân có liên quan.
Tổng Cty XD công trình giao thông 6	Cổ đông chiếm 5,93% vốn điều lệ và Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cũng là Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6.
Cty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm	Cty liên kết chiếm 24,75% vốn điều lệ
Cty CP bê tông ly tâm 620	Cty con chiếm 99,85% vốn điều lệ
Cty CP tư vấn xây dựng Bình Châu	Cty con chiếm 60% vốn điều lệ
Cty CP khoáng sản XD Tân Uyên Fico	Cty con chiếm 57,57% vốn điều lệ
Cty CP bê tông ly tâm Dung Quất	Cty con chiếm 67,19% vốn điều lệ
Cty CP đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	Công ty con chiếm 59,93% vốn điều lệ
Cty CP bất động sản Bình Thiên An	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH quản lý đầu tư BTA	Công ty có cùng chủ đầu tư

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần bê tông 620 Bình Minh		
Mua sản phẩm bê tông	5.092.200.000	8.930.350.770
Mua bê tông tươi và vận chuyển máy móc thiết bị	279.604.000	-
Bán bê tông tươi và vận chuyển	11.192.982.000	38.153.166.668
Cổ tức được chia	2.750.000.000	-
Cho thuê máy móc thiết bị	220.000.000	-
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre		
Mua tài sản	-	440.000.000
Vay hộ	-	1.056.960.846
Bán sản phẩm	-	516.000.000
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An		
Thuê xe, bán sản phẩm	1.627.988.000	2.208.637.571
Cổ tức được chia	1.120.000.000	-
Gia công sản phẩm dầm	-	9.759.109.578
Mua sản phẩm và thuê nhân công	4.121.890.980	-

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620		
Thuê gia công, mua cọc ống	-	15.096.350.820
Bán sản phẩm bê tông, vật tư	10.404.152.262	42.235.353.214
Mua vật tư, sản phẩm bê tông và thuê máy móc thiết bị	25.050.453.069	-
Cty CP bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười		
Bán sản phẩm bê tông	59.114.000	-
Cty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất		
Góp vốn	4.712.400.000	-
Tổng Cty XD công trình giao thông 6		
Thi công công trình	2.748.432.681	1.429.017.892
Cty CP tư vấn xây dựng Bình Châu		
Bán vật tư	117.343.441	84.067.388
Thuê giám sát thí nghiệm	3.573.517.097	1.917.208.953
Góp vốn bằng tài sản	-	690.000.000
Cty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		
Thi công công trình	-	37.115.639.852
Góp vốn bằng bù trừ khối lượng thi công	-	11.695.734.749
Cty CP bất động sản Bình Thiên An		
Thi công công trình	2.955.734.010	-
Ứng trước thi công công trình	16.400.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre		
Bán sản phẩm Bê tông	1.531.194.601	1.863.349.402
Vay hộ	2.109.460.846	2.109.460.846
Cổ tức phải thu	87.043.333	87.043.333
Cho mượn	100.000.000	100.000.000
Cty TNHH công trình giao thông Châu Thới		
Cước vận chuyển đầm	-	50.000.000

410
 C
 TRÁCH
 KIẾ
 1/1/1

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần bê tông 620 Bình Minh		
Bán sản phẩm bê tông	2.021.649.334	9.029.733.334
Cổ tức được chia	2.750.000.000	
Thu hồi vốn góp của Cty CP Cảng Bình Minh	3.274.620.871	
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620		
Bán sản phẩm bê tông	22.210.718.573	44.583.806.221
Cổ tức được chia	-	1.500.000.000
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		
Thi công công trình	3.531.893.485	9.733.602.654
Bán sản phẩm bê tông	300.000.000	500.000.000
Tổng Cty xây dựng công trình giao thông 6		
Thi công công trình	2.619.726.668	1.399.705.388
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An		
Cổ tức được chia	1.120.000.000	-
Cộng nợ phải thu	41.656.307.711	70.956.701.178
Cty cổ phần bê tông 620 Long An		
Chi phí gia công đầm	-	308.910.394
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu		
Thuê giám sát, thí nghiệm	429.048.100	-
Cty CP bất động sản Bình Thiên An		
Ứng trước thi công công trình	16.327.924.251	
Cộng nợ phải trả	16.756.972.351	308.910.394

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

410
 C
 TRÁCH
 KIẾ
 1/1/1

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động xây dựng.
- Hoạt động bán sản phẩm bê tông.
- Hoạt động khác bao gồm: bán vật tư, dịch vụ lao phồng và vận chuyển

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 2 đính kèm

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm, Công ty thay đổi phương pháp ghi nhận doanh thu liên quan đến xây dựng công trình từ ghi nhận doanh thu theo khối lượng nghiệm thu thực tế của năm trước sang ghi nhận doanh thu theo tiến độ thi công hoàn thành có sự ký duyệt của giám sát bên chủ đầu tư trong năm nay. Việc thay đổi chính sách kế toán này, làm cho doanh thu liên quan đến xây dựng công trình tăng 43.010.885.881 VND và giá vốn liên quan đến xây dựng công trình tăng 38.684.091.202 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc ghi nhận doanh thu liên quan đến xây dựng công trình theo tiến độ thi công hoàn thành có sự ký duyệt của giám sát bên chủ đầu tư hợp lý hơn trong việc kiểm soát doanh thu và chi phí.

Thông tin khác

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.


Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Người lập biểu


Huỳnh Thị Thanh Hà
 Kế toán trưởng


Nguyễn Trung Hậu
 Tổng Giám đốc



BỘ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Công	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Số đầu năm trước	318,214,675,700	30,694,643,776	4,854,995,988	49,996,587,936	-	122,689,948,000	109,978,500,000	
Lợi nhuận trong năm trước	78,947,087,513	78,947,087,513	-	-	-	-	-	
Chia cổ tức trong năm trước	(9,898,065,000)	(9,898,065,000)	-	-	-	-	-	
Trích lập các quỹ trong năm trước	(5,967,479,966)	(20,329,872,485)	1,841,332,374	12,521,060,145	-	-	-	
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	14,512,106	-	-	-	14,512,106	-	-	
Số dư cuối năm trước	381,310,730,353	79,413,793,804	6,696,328,362	62,517,648,081	14,512,106	122,689,948,000	109,978,500,000	
Số dư đầu năm nay	-	-	(8,215,911,991)	8,215,911,991	-	-	109,978,500,000	
Lợi nhuận trong năm nay	(7,894,708,751)	(59,150,957,513)	1,519,583,629	49,736,665,133	-	-	-	
Điều chuyển quỹ	-	-	-	8,215,911,991	-	-	-	
Trích lập các quỹ trong năm nay	(7,894,708,751)	(59,150,957,513)	1,519,583,629	49,736,665,133	-	-	-	
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư ngoại tệ các khoản mục tiền tệ cuối năm trước	(14,512,106)	-	-	-	(14,512,106)	-	-	
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm nay	841,347,238	-	-	-	841,347,238	-	-	
Chia cổ tức trong năm nay	(19,796,130,000)	(19,796,130,000)	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm nay	446,795,116,739	92,815,096,296	-	120,470,225,205	841,347,238	122,689,948,000	109,978,500,000	

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2011


Nguyễn Trung Hậu
 Tổng Giám đốc


Huỳnh Thị Thanh Hà
 Kế toán trưởng


Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Người lập biểu

1 Định hướng chung:

- ▲ Tăng cường đầu tư chiều sâu, giữ vững chất lượng sản phẩm và năng lực thi công công trình. Giữ vững vị trí hàng đầu về sản xuất bê tông công nghiệp, đặc biệt là uy tín về sản xuất đầm. Phân đấu trở thành nhà thầu chuyên nghiệp về cung cấp cấu kiện bê tông đúc sẵn và xây dựng hạ tầng giao thông hàng đầu tại Việt Nam.

2 Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- ▲ Nhu cầu phát triển hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị, khu công nghiệp còn rất lớn. Đặc biệt là các khu kinh tế, khu công nghiệp ở Tp. HCM, Đồng Bằng Sông Cửu Long, Miền Trung. Tại Tp. Hồ Chí Minh và một số tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trọng tâm là khởi công xây dựng tuyến cao tốc TP. HCM – Long Thành – Dầu Giây, TP.HCM – Biên Hòa và mở rộng quốc lộ 51. Bên cạnh đó, Ngân sách thành phố tiếp tục đầu tư cho các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm. Đẩy nhanh tiến độ các công trình đôn bẫy (Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Khu Công nghệ cao, Khu đô thị cảng Hiệp Phước; dự án đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài, tuyến Metro Bến Thành – Suối Tiên, Xa lộ Hà Nội mở rộng, chương trình chống ngập nước), tuyến đường trên cao Kênh Nhiêu Lộc – Thị Nghè.
- ▲ Tăng cường nguồn lực của Công ty đảm bảo thực hiện các công trình lớn với yêu cầu kỹ thuật cao, chất lượng nghiêm ngặt, an toàn và đúng tiến độ.
- ▲ Mở rộng địa bàn sản xuất nhà máy ở khu vực Mê Kông, Miền Trung & Bắc Trung Bộ đáp ứng với việc phát triển thị trường ở những khu vực này
- ▲ Nghiên cứu & tìm kiếm cơ hội hợp tác & chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông và vật liệu xây dựng từ các nước tiên tiến, phục vụ cho chiến lược phát triển của công ty



1 Tổng quan thị trường xây dựng 2011

- ▲ Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2011- 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2011-2015, Bộ Xây dựng tập trung vào 10 trọng tâm: xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; quy hoạch – kiến trúc; chương trình khung phát triển đô thị quốc gia; hạ tầng kỹ thuật; phát triển nhà ở; kiểm định chất lượng công trình xây dựng; vật liệu xây dựng; thanh tra xây dựng; tăng cường năng lực quản lý; sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp.
- ▲ Nền kinh tế đã dần hồi phục, các dự án hạ tầng giao thông sẽ được triển khai nhanh và mạnh. Toàn miền Nam (từ Đà Nẵng trở vào) có gần 1.000 dự án cơ hạ tầng với tổng vốn đầu tư gần 36tỷ USD, trong đó có 200 dự án cầu đường trong giai đoạn thiết kế & đấu thầu sẽ triển khai trong năm 2011. Tại Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, BR-VT, Long An & Đồng Nai, có khoảng 44 dự án cầu đường với tổng vốn đầu tư 2.078 triệu USD với các dự án lớn sắp được triển khai trong năm như: Các tuyến đường vành đai, Metro, nâng cấp quốc lộ 51, cầu Sài Gòn 2, Cầu Thủ Thiêm 3, Cầu Bình Tiên, Cầu Hóa An, Cầu Vượt Quốc Lộ 1A v.v. Thị trường cọc bê tông dự ứng lực cho xây dựng dân dụng tiềm năng phát triển cao. Xu hướng sẽ thay thế dần cho cọc bê tông cốt thép và cừ cây.
- ▲ Tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, trong 5 năm tới phải xác định những ngành cần chuyển đổi và có chính sách cụ thể dành cho chuyển đổi. Đối với cơ sở hạ tầng, cần làm nhanh các công trình dở dang và kết nối đồng bộ các công trình giao thông, song song đó cần coi trọng quy hoạch, chất lượng và quản lý quy hoạch. Trọng tâm là đẩy mạnh tiến độ tuyến cao tốc TP. HCM – Long Thành – Dầu Giây, Bến Lức – Long Thành, TP.HCM – Biên Hòa, mở rộng quốc lộ 5, Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Khu Công nghệ cao, Khu đô thị cảng Hiệp Phước; dự án đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài, Xa lộ Hà Nội mở rộng, chương trình chống ngập nước... Bên cạnh đó, việc nghiên cứu đầu tư và triển khai các dự án hạ tầng giao thông như: tuyến đường trên cao Nhiêu Lộc-Thị Nghè - quận bình thạnh, tuyến Metro Bến Thành – Suối Tiên, tuyến xe điện mặt đất số 2, tuyến Metro số 5 - quận 1, khu công nghiệp Xuân Thới Thượng - huyện Hóc Môn, đường song hành Hà Huy Giáp - quận 12, cầu Bình Tiên - quận 8, cầu Bình Tiên - Q.8, cầu Mỹ Lợi, cầu Cổ Chiên, cầu Vàm Cống, cầu Cao Lãnh, tuyến Trung Lương - Long Thành, vành đai 3,...
- ▲ Mảng thi công xây lắp của Beton trong những năm qua tuy quy mô hoạt động chưa lớn nhưng đã tạo được niềm tin ở khách hàng. Việc tham gia vào một số dự án khu dân cư, căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, dự án cơ sở hạ tầng như công trình Đảo Kim Cương, Đường Cao tốc Long Thành Dầu Giây tạo được dấu ấn quan trọng trong chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

- ▲ Giá trị doanh thu: 1.200 tỷ đồng
 - Sản xuất công nghiệp 600 tỷ đồng
 - Xây lắp công trình và thi công ép cọc 575 tỷ đồng
 - Dịch vụ kinh doanh 25 tỷ đồng
- ▲ Lợi nhuận trước thuế (trên doanh thu) 10 - 12%
- ▲ Cổ tức (bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu): 10 - 12 % VDL
(Ủy quyền HĐQT thực hiện)



1 Hoạch định chiến lược:

- ▲ Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong 5 năm tới đạt mức tăng trưởng doanh thu bình quân 30%.
Tiếp tục tăng qui mô hoạt động của công ty, tăng vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu phát triển.

2 Công tác thị trường, chăm sóc khách hàng:

- ▲ Cấu trúc khối kinh doanh & tiếp thị theo định hướng chuyên môn hóa nhằm tăng cường công tác tiếp cận thị trường, dự án; Tăng cường công tác quản lý chăm sóc khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng.
- ▲ Hoàn thiện qui trình & chính sách bán hàng hướng đến việc tạo thuận lợi tối đa và thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng từ khâu tư vấn kỹ thuật, báo giá, triển khai hợp đồng, hậu mãi v.v.
- ▲ Tìm kiếm, phối hợp với các nhà cung cấp, các đối tác để đảm bảo giá cả và nguồn vật tư đầu vào ổn định với giá cả hợp lý trong tình hình thị trường luôn biến động. Thành lập đội ngũ thầu phụ gắn bó, chuyên nghiệp với chính sách quản lý & huấn luyện cho thầu phụ đúng với tiêu chuẩn yêu cầu về chất lượng, tiến độ & an toàn trong thi công của công ty.
- ▲ Nghiên cứu phát triển thêm phân khúc thị trường mới cho các sản phẩm hiện hữu nhằm tăng thị phần và doanh số của công ty như: thị trường cọc bê tông cho xây dựng dân dụng, bê tông trang trí, bê tông lắp ghép....
- ▲ Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm (kênh phân phối, chính sách bán hàng, chương trình hậu mãi...) nhằm tăng hiệu quả bán hàng qua kênh.
- ▲ Tiến hành khảo sát & nghiên cứu tiềm năng các thị trường Miền Trung, Miền Tây & Miền Bắc nhằm tăng thêm doanh số và độ phủ của thị trường công ty, đồng thời phục vụ cho công tác đầu tư nhà máy & phát triển thị trường ở những khu vực này.

3 Công tác nhân sự, đào tạo:

- ▲ Hoàn thiện bộ máy sản xuất, quản lý cho tinh gọn hiệu quả.
- ▲ Chú trọng công tác đào tạo, nhân viên quản lý chuyên nghiệp, xây dựng và phát triển đội ngũ kế thừa. Cập nhật, tìm hiểu, trang bị những kiến thức mới, công nghệ xây dựng & thi công mới cho nhân viên nhằm nâng cao năng suất & hiệu quả công việc sản xuất, kinh doanh & tăng khả năng cạnh tranh.
- ▲ Lập chiến lược phát triển lực lượng nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự cho việc phát triển kinh doanh, thi công các dự án lớn, cũng như nhu cầu mở rộng nhà máy & thị trường.

4 Nghiên cứu ứng dụng Khoa học công nghệ - Kỹ thuật:

- ▲ Phát triển các sản phẩm có ưu thế cạnh tranh: cọc vuông BTTA, ván BTTA, dầm BTTA và nghiên cứu để sản phẩm mới bê tông đúc sẵn, bê tông trang trí.
- ▲ Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ mới phù hợp ứng dụng vào hoạt động SXKD. Xây dựng phòng trào nghiên cứu & phát triển trong công ty qua hình thức tổ chức hoạt động thi đua ý tưởng/ sáng kiến mới áp dụng cho công việc sản xuất & kinh doanh.
- ▲ Nâng cao hiệu quả đầu tư qua việc thiết lập hệ thống quản trị đầu tư (Tất cả các Dự án đều phải thành lập nhóm thực hiện dự án với cán bộ chuyên trách theo dõi sát sao).
- ▲ Đẩy mạnh công tác tìm hiểu công nghệ sản xuất bê tông & kỹ thuật thi công cầu đường của các nước tiên tiến, nghiên cứu khả năng ứng dụng vào thực tế cho công ty.
- ▲ Tham gia nghiên cứu luận chứng khả thi các dự án cơ sở hạ tầng nhằm đưa ra những giải pháp thi công, giải pháp về vốn để giúp nhà đầu tư, chủ dự án nhanh chóng đưa dự án vào triển khai.
- ▲ Đẩy mạnh liên doanh liên kết, chuyển giao công nghệ và kỹ thuật thi công, sản xuất với các công ty cùng ngành lớn trên thế giới

5 Đầu tư máy móc thiết bị:

- ▲ Trên cơ sở nền tảng máy móc thiết bị hiện có, tiếp tục rà soát và đánh giá tình trạng thiết bị, thay thế trang bị kịp thời, tối ưu hóa năng suất thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu cao của thị trường.
- ▲ Đầu tư hoàn thiện nhà thí nghiệm đạt chuẩn Las nhằm đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu vào & chất lượng sản phẩm đầu ra trước khi giao đến khách hàng.

6 Phát triển thương hiệu:

- ▲ Tăng cường quảng bá hình ảnh Công ty qua các công trình hoàn thành, qua các hệ thống nhận diện thương hiệu của công ty, qua các hoạt động tiếp thị. Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu Beton 6, thống nhất thương hiệu Beton 6 ở các công ty con.
- ▲ Tăng cường công tác tiếp cận & truyền thông đến khách hàng mục tiêu thông qua việc tổ chức hội thảo kỹ thuật liên quan đến sản phẩm, tổ chức Hội nghị khách hàng để trực tiếp nắm bắt nhu cầu khách hàng, hiểu rõ sự quan tâm và mong đợi của khách hàng đối với các sản phẩm, dịch vụ của công ty.
- ▲ Tham gia các chương trình bình chọn thương hiệu uy tín.

- ▲ Tiếp tục tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động xã hội thông qua các công trình xóa cầu khỉ, nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho người nghèo ở vùng sâu, vùng xa.
- ▲ Phối hợp với các trường Đại học chuyên ngành giao thông cầu đường & kỹ thuật xây dựng trong công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm & công nghệ mới. Ngoài ra, công ty duy trì các hoạt động xã hội, hoạt động hướng nghiệp/ thực tập/ trao đổi kinh nghiệm nhằm tăng hình ảnh của công ty đối với các trường Đại học chuyên ngành cũng như lực lượng sinh viên-những khách hàng tiềm năng và lực lượng nhân sự của công ty trong tương lai.

7 Tăng cường phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Ban Điều Hành:

- ▲ Nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản trị công ty. Việc phối hợp này giúp đánh giá tình hình hoạt động doanh nghiệp đảm bảo tính khách quan và sát thực tế hơn, từ đó đề ra những định hướng, các giải pháp kịp thời cho từng tình hình cụ thể.





Dự Án Đảo Kim Cương